

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 93

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006, và hai mươi chín (29) Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Điều chỉnh lần thứ hai mươi chín (29) vào ngày 4 tháng 8 năm 2017 phê duyệt điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty thành 9.274.679.470 ngàn VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có tám (8) công ty con trực tiếp, hai mươi chín (29) công ty con gián tiếp và ba (3) công ty liên kết.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu và các loại cây ăn quả khác; phát triển căn hộ, trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng để bán và cho thuê; xây dựng và kinh doanh thủy điện; cơ khí; sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón; kinh doanh kho bãi, sơ chế nông phẩm và dịch vụ nông nghiệp; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên	Từ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Bà Trương Thị Kim Ánh	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2017
Ông Lâm Hoàng Hải	Trưởng Ban	Từ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	
Ông Nguyễn Tấn Anh	Thành viên	

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	
Ông Đoàn Nguyên Thu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo là Ông Võ Trường Sơn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, vào bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 60752790/ 19538943/LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập vào ngày 15 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 93 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1588-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại - TM số 39)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		9.784.612.658	9.169.689.773
110	I. Tiền	5	1.619.141.339	794.326.175
111	1. Tiền		1.619.141.339	794.326.175
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		6.959.146.839	6.711.353.686
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	2.001.772.950	1.771.473.430
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	1.285.735.368	1.308.328.374
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	1.821.805.855	2.017.828.375
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.879.088.308	1.642.846.329
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(29.255.642)	(29.122.822)
140	III. Hàng tồn kho	10	1.152.281.366	1.613.111.552
141	1. Hàng tồn kho		1.178.947.673	1.798.236.495
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(26.666.307)	(185.124.943)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		54.043.114	50.898.360
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		9.442.318	13.002.488
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		30.613.133	26.836.701
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	21	13.987.663	11.059.171
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		42.615.645.710	43.113.443.823
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		7.477.022.719	6.383.631.255
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	6.626.455.848	5.717.370.743
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	850.566.871	666.260.512
220	II. Tài sản cố định		9.734.710.186	9.771.995.127
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	8.420.074.086	8.441.226.254
222	Nguyên giá		9.603.493.927	9.883.440.790
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.183.419.841)	(1.442.214.536)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	1.314.636.100	1.330.768.873
228	Nguyên giá		1.406.379.955	1.407.467.825
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(91.743.855)	(76.698.952)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	3.489.142.294	3.531.871.849
231	1. Nguyên giá		3.584.771.006	3.589.933.330
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(95.628.712)	(58.061.481)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		17.229.996.591	17.993.738.827
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	17.229.996.591	17.993.738.827
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		876.918.051	877.887.933
252	1. Đầu tư vào các công ty liên kết	16	866.390.148	865.766.030
253	2. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		10.507.903	12.101.903
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.000	20.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.807.855.869	4.554.318.832
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	1.057.069.251	1.422.291.005
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.3	93.909.253	91.119.227
269	3. Lợi thế thương mại	18	2.656.877.365	3.040.908.600
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		52.400.258.368	52.283.133.596


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại - TM số 39)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		34.212.615.005	36.400.541.825
310	I. Nợ ngắn hạn		10.587.539.129	13.138.489.727
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	1.047.373.064	1.420.669.960
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20	3.602.722.227	3.609.299.208
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	260.039.658	195.651.423
314	4. Phải trả người lao động		79.838.193	72.595.103
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	522.274.637	844.711.426
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		5.407.902	6.760.210
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	23	1.128.556.638	1.267.280.641
320	8. Vay ngắn hạn	24	3.941.081.848	5.717.296.133
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		244.962	4.225.623
330	II. Nợ dài hạn		23.625.075.876	23.262.052.098
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	22	479.648.753	4.222.541
337	2. Phải trả dài hạn khác	23	1.152.866.270	979.252.302
338	3. Vay dài hạn	24	21.445.912.998	21.619.446.267
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.3	234.411.772	375.435.102
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	25	312.236.083	283.695.886
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		18.187.643.363	15.882.591.771
410	I. Vốn chủ sở hữu		18.187.643.363	15.882.591.771
411	1. Vốn cổ phần	26.1	9.274.679.470	7.899.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.274.679.470	7.899.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	26.1	3.263.858.784	3.539.078.784
415	3. Cổ phiếu quỹ	26.1	(686.640)	(686.640)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	26.1	389.650.060	623.942.651
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	26.1	279.895.303	279.895.303
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	26.1	1.291.734.763	915.758.015
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		614.113.096	2.527.805.613
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lũy kế) kỳ này		677.621.667	(1.612.047.598)
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	27	3.688.511.623	2.624.924.188
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		52.400.258.368	52.283.133.596


Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập

Ngày 15 tháng 8 năm 2017


Dương Hoàng Bắc
Kế toán trưởng


Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.1	2.476.540.173	3.658.541.917
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	29.1	-	(896.894)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.1	2.476.540.173	3.657.645.023
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	30	(1.628.801.454)	(3.078.998.635)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		847.738.719	578.646.388
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29.2	1.314.567.769	570.704.549
22	7. Chi phí tài chính	31	(779.422.041)	(888.408.790)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(738.966.691)	(797.477.384)
24	8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết		624.118	(10.703.169)
25	9. Chi phí bán hàng	32	(63.050.181)	(90.865.563)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	(316.424.538)	(365.982.471)
30	11. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		1.004.033.846	(206.609.056)
31	12. Thu nhập khác	33	88.520.467	6.125.830
32	13. Chi phí khác	33	(70.388.228)	(917.976.727)
40	14. Lãi (lỗ) khác	33	18.132.239	(911.850.897)
50	15. Lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		1.022.166.085	(1.118.459.953)
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.1	(40.022.693)	(17.715.407)
52	17. (Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	34.3	36.689.370	(55.054.194)
60	18. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		1.018.832.762	(1.191.229.554)
61	19. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của công ty mẹ		677.621.667	(862.094.186)
62	20. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát		341.211.095	(329.135.368)
70	21. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	28	839	(1.091)
71	22. Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu (VND)	28	839	(1.091)



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập
Ngày 15 tháng 8 năm 2017



Dương Hoàng Bắc
Kế toán trưởng




Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Ngàn VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận (lỗ) trước thuế		1.022.166.085	(1.118.459.953)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình, bất động sản đầu tư và hao mòn TSCĐ vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		490.074.514	313.554.393
03	Hoàn nhập dự phòng		(77.573.083)	95.961.744
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		15.594.314	11.758.586
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.395.430.799)	(174.605.724)
06	Chi phí lãi vay	31	738.966.691	797.477.384
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		793.797.722	(74.313.570)
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(445.005.343)	351.763.030
10	Giảm hàng tồn kho		355.691.989	725.009.432
11	Tăng các khoản phải trả		226.471.473	532.591.279
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(219.518.688)	12.540.237
14	Tiền lãi vay đã trả		(403.109.608)	(504.488.907)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	34.1	(1.673.552)	(14.394.165)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(316.301)	(534.017)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		306.337.692	1.028.173.319
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác		(1.671.475.357)	(2.045.095.199)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		446.684.986	1.024.037.135
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(1.176.371.850)	(1.300.219.309)
24	Tiền thu hồi cho vay		435.495.025	884.882.568
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		-	(1.045.610.446)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ)		1.387.118.217	280.105.078
27	Tiền thu lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		32.965.367	733.827.044
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(545.583.612)	(1.468.073.129)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017


Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		2.450.000	2.792.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		2.270.782.347	3.225.912.446
34	Tiền trả nợ gốc vay		(974.878.671)	(5.121.672.660)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.298.353.676	896.239.786
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1.059.107.756	456.339.976
60	Tiền đầu kỳ		794.326.175	967.966.695
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(234.292.592)	-
70	Tiền cuối kỳ	5	1.619.141.339	1.424.306.671


Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập


Dương Hoàng Bắc
Kế toán trưởng




Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và hai mươi chín (29) GCNĐKKD điều chỉnh.

Điều chỉnh lần thứ hai mươi chín (29) vào ngày 4 tháng 8 năm 2017 phê duyệt điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty thành 9.274.679.470 ngàn VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCK HCM”) với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có tám (8) công ty con trực tiếp, hai mươi chín (29) công ty con gián tiếp và ba (3) công ty liên kết với chi tiết như sau:

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
Lĩnh vực bất động sản			
(1) Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh (“HAN”)	TP. HCM, Việt Nam	Đang hoạt động	68,90
(2) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar (“HAGL Myanmar”)	TP. Yangon, Myanmar	Đang hoạt động	68,90
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Bangkok (i)	TP. Bangkok, Thái Lan	Đang hoạt động	32,38
Lĩnh vực thủy điện			
(4) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai (“DHA”)	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,40
(5) Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu (“NK2”)	Viên Chăn, Lào	Chờ thanh lý	99,40
(6) Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3 (“NK3”)	Tỉnh Attapeu, Lào	Trước hoạt động	99,40
Lĩnh vực nông nghiệp			
(7) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“HNG”) (ii)	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	66,96
(8) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	66,96
(9) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	65,47
(10) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	65,47
(11) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	66,64

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)
Lĩnh vực nông nghiệp (tiếp theo)			
(12) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu ("HAA")	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	66,96
(13) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Đông Meas	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	65,47
(14) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	66,96
(15) Công ty TNHH Heng Brothers	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	66,96
(16) Công ty TNHH CRD	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	66,96
(17) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	66,96
(18) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	66,29
(19) Công ty Cổ phần An Đông Mía (i)	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	47,84
(20) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat (i)	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	47,84
(21) Công ty Cổ phần Đông Pênh	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	66,76
(22) Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	66,76
(23) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	TP.HCM, Việt Nam	Đang hoạt động	66,96
(24) Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	TP.HCM, Việt Nam	Đang hoạt động	66,96
(25) Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	66,96
(26) Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	66,96
(27) Công ty TNHH Sovann Vuthy	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	66,96
(28) Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	66,90
Lĩnh vực khai khoáng			
(29) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Ngưng hoạt động	99,40
(30) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai - Kon Tum	Tỉnh Kontum, Việt Nam	Ngưng hoạt động	99,40
(31) Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông	Tỉnh Attapeu, Lào	Ngưng hoạt động	99,40

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh và dịch vụ			
(32) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	69,85
(33) Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(34) Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Viên Chăn, Lào	Trước hoạt động	80,00
(35) Công ty TNHH V&H Corporation	Viên Chăn, Lào	Trước hoạt động	100,00
(36) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viên Chăn, Lào	Trước hoạt động	100,00
(37) Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo	TP. HCM, Việt Nam	Trước hoạt động	51,00

- (i) Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và kiểm soát công ty này.
- (ii) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là HNG và chính thức được giao dịch từ ngày 20 tháng 7 năm 2015.

Tình trạng trước hoạt động là các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư và chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu và các loại cây ăn quả khác; phát triển căn hộ, trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng để bán và cho thuê; xây dựng và kinh doanh thủy điện; cơ khí; sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón; kinh doanh kho bãi, sơ chế nông phẩm và dịch vụ nông nghiệp; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên ký kết hợp đồng lao động dài hạn của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 4.734 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 4.529).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Tập đoàn vẫn còn nắm quyền kiểm soát. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát công ty con nhưng công ty con đang trong quá trình chuyển nhượng vẫn chưa hoàn tất tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Tập đoàn vẫn hợp nhất báo cáo tài chính vào ngày mất quyền kiểm soát và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của công ty con này vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách (*Thuyết minh số 3.12*). Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp giá mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|---|---|--|
| Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ và hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 25 năm
Phương tiện vận chuyển	2 - 30 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 10 năm
Vật nuôi	6 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
Phần mềm máy tính	8 năm
Tài sản khác	3 - 20 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

Vườn cây cao su và tiêu

Ban Giám đốc ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây cao su và tiêu lần lượt là 7 năm và 3 năm tính từ thời điểm bắt đầu trồng. Theo đó, Tập đoàn bắt đầu chuyển vườn cây cao su và tiêu đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao sau khi kết thúc thời gian kiến thiết cơ bản này.

Vườn cọ dầu

Căn cứ theo Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá vườn cây cọ dầu của Tập đoàn được thực hiện bởi Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Trung Bộ và Tây Nguyên vào tháng 8/2017, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định thay đổi thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây cao su từ 4,5 năm lên 6 năm, phù hợp với đặc điểm sinh trưởng, phát triển của các vườn cây cọ dầu của Nhóm Công ty tại Campuchia và Lào.

Khấu hao các vườn cây

Khấu hao đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm.

Khấu hao đối với vườn cây Thanh Long và Tiêu được thực hiện dựa trên Quyết định số 115/17/QĐ-HAGL Agrico ngày 8 tháng 8 năm 2017 của Ban Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây Thanh long và Tiêu theo chu kỳ khai thác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao

Chi tiết như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)		
	Vườn cây Cao su	Vườn cây Thanh long	Vườn cây Tiêu
Năm thứ 1	2,50	1,0	4,6
Năm thứ 2	2,80	3,4	8,5
Năm thứ 3	3,50	5,0	8,5
Năm thứ 4	4,40	6,7	8,5
Năm thứ 5	4,80	8,4	8,5
Năm thứ 6	5,40	8,4	8,5
Năm thứ 7	5,40	8,4	6,2
Năm thứ 8	5,10	8,4	6,2
Năm thứ 9	5,10	8,4	6,2
Năm thứ 10	5,00	8,4	3,8
Năm thứ 11	7,00	6,7	3,8
Năm thứ 12	6,60	6,7	3,8
Năm thứ 13	6,20	6,7	3,8
Năm thứ 14	5,90	6,7	3,8
Năm thứ 15	5,50	Giá trị còn lại	3,8
Năm thứ 16	5,40	-	3,8
Năm thứ 17	5,00	-	3,8
Năm thứ 18	5,50	-	Giá trị còn lại
Năm thứ 19	5,20	-	-
Năm thứ 20	Giá trị còn lại	-	-

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 30 năm
Trung tâm thương mại	50 năm
Văn phòng cho thuê	50 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán bất động sản với giá trị còn lại của nó được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản vào ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển các tòa nhà, văn phòng cho thuê, vườn cây và công trình thủy điện của Tập đoàn mà các dự án này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cây cọ dầu, vườn tiêu và vườn cây ăn quả như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

Dự án bò

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành và phát triển dự án bò như giá trị bò giống, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, chuồng trại và các chi phí khác có liên quan.

Chi phí dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar

Bao gồm chi phí xây dựng và vận hành dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar tại số 192, Đường Kaba Aye Pagoda, Thị trấn Bahan, Thành phố Yangon, Myanmar, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Thành lập số 248DC/2012-2013 ngày 6 tháng 12 năm 2012 cấp bởi Bộ Phát triển Kinh tế và Kế hoạch Quốc gia Myanmar. Đây là dự án xây dựng và vận hành khu Khách sạn, Trung tâm thương mại, Tòa nhà văn phòng và Căn hộ cho thuê tại Myanmar trên diện tích đất 73.358 m².

Công trình thủy điện

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng công trình thủy điện như chi phí đền bù đất, khai hoang, xây dựng đập, đường truyền dẫn và chi phí liên quan khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ, trừ khi các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các kỳ mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước, chi phí phát triển vườn mía, vườn bắp, vườn cây ăn quả, chi phí khai hoang và trồng cỏ, chi phí phát triển cầu thủ và các chi phí khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ;
- ▶ Chi phí phát triển vườn mía, bắp, cây ăn quả, chi phí khai hoang và trồng cỏ bao gồm: chi phí giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Các chi phí này được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của từng loại cây. Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này; và
- ▶ Chi phí phát triển cầu thủ bao gồm các chi phí liên quan đến việc đào tạo và phát triển các cầu thủ thuộc Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai - Arsenal JMG ("HAGL-JMG"). Chi phí phát triển cầu thủ được phân bổ trong vòng từ 7 đến 10 năm căn cứ theo thời hạn hợp đồng đã ký kết giữa HAGL-JMG với các cầu thủ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích của cổ đông không kiểm soát của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông không kiểm soát được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Trong trường hợp mua công ty con mà công ty con này không phải là doanh nghiệp kinh doanh thì giao dịch được xem là mua tài sản và khi đó những tài sản mua và các khoản nợ phải trả gánh chịu được xác định cụ thể và ghi nhận. Giá mua sẽ được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được xác định cụ thể trên cơ sở giá trị hợp lý vào ngày mua.

Nếu việc hợp nhất kinh doanh liên quan đến các công ty hoặc doanh nghiệp dưới dạng kiểm soát chung, phương pháp cộng giá trị sổ sách được áp dụng như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất được phản ánh theo giá trị ghi sổ;
- ▶ Không có lợi thế thương mại mới phát sinh từ việc hợp nhất;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh kết quả hoạt động của các doanh nghiệp hợp nhất cho cả kỳ kế toán, bất kể thời điểm phát sinh nghiệp vụ hợp nhất; và
- ▶ Các số liệu so sánh được trình bày như thể các doanh nghiệp đã được hợp nhất trước đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào các công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của các công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của các công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào các công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 228 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Lãi (lỗ) trên cổ phiếu*

Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) và đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo các nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán bình quân của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong kỳ.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi khoản đầu tư được thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.19 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

▶ *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3.20 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Doanh thu bán căn hộ

Doanh thu bán căn hộ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán căn hộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư

Thu nhập từ chuyển nhượng các khoản đầu tư được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng cổ phần đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

3.21 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

3.23 Dự phòng

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.24 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung kiểm soát với Tập đoàn. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Tập đoàn, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

3.25 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

4.1 Hoàn thành chuyển nhượng toàn bộ cổ phần trong Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu (“Nhóm Công ty Mía đường”)

Vào ngày 22 tháng 5 năm 2017, công ty con trong Tập đoàn, Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Nhóm Công ty Mía đường với tổng giá bán là 1.330.000.000 ngàn VND cho các đối tác. Theo đó, số tiền lãi 843.651.822 ngàn VND từ việc chuyển nhượng này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. (TM số 29.2)

Tập đoàn đã tiến hành điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 do ảnh hưởng của nghiệp vụ này như được trình bày tại TM số 39.

4.2 Thực hiện hoán đổi Trái phiếu Hoán đổi sang cổ phiếu Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - HNG

Theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị vào ngày 20 tháng 2 năm 2017 và các Thỏa thuận hoán đổi có liên quan, lần lượt vào ngày 4 tháng 5 năm 2017 và 20 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn đã hoàn thành việc hoán đổi các nghĩa vụ nợ của Trái phiếu Hoán đổi, được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Sài Gòn với số lượng cổ phiếu hoán đổi là 43.300.000 cổ phiếu HNG, tại giá thực hiện là 10.000 VND/cổ phiếu. (TM số 24.6)

Việc hoán đổi này đã làm giảm 5,64% tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG tại ngày này. Chênh lệch giữa giá hoán đổi và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của HNG và các công ty con của HNG vào ngày giao dịch là 220.440.638 ngàn VND được ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

4.3 Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần trong Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê

Vào ngày 1 tháng 6 năm 2017, công ty con trong Tập đoàn, Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk đã chuyển nhượng toàn bộ 99,92% phần vốn góp trong Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê với tổng giá bán là 130.000.000 ngàn VND cho một cá nhân bên liên quan. Theo đó, số tiền lãi 107.418.184 ngàn VND từ việc chuyển nhượng này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. (TM số 29.2)

5. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – TM số 39)
Tiền mặt tại quỹ	14.502.054	24.644.485
Tiền gửi ngân hàng (*)	1.604.639.285	769.681.690
TỔNG CỘNG	1.619.141.339	794.326.175

(*) Tập đoàn đã thế chấp 71.990.000 ngàn VND nhằm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Tập đoàn (Thuyết minh - “TM” số 24.4) (Ngày 31 tháng 12 năm 2016: 77.802.463 ngàn VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – TM số 39)
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	992.723.963	800.918.612
Phải thu từ dịch vụ xây dựng	845.481.954	835.909.054
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu Chính phủ Lào cho việc xây dựng sân bay</i>	726.290.034	727.713.177
<i>Phải thu từ các khách hàng khác</i>	119.191.920	108.195.877
Phải thu về thanh lý khoản đầu tư – Ông Nguyễn Quốc Huy	130.000.000	-
Phải thu về thanh lý tài sản, bất động sản đầu tư và chuyển nhượng dự án	15.588.234	116.853.085
Phải thu tiền bán căn hộ	17.978.799	17.792.679
TỔNG CỘNG	<u>2.001.772.950</u>	<u>1.771.473.430</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên khác</i>	1.398.762.043	1.305.484.233
<i>Phải thu các bên liên quan (TM số 35)</i>	603.010.907	465.989.197

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Số đầu kỳ	29.122.822	10.089.849
Dự phòng lập trong kỳ	132.820	97.431.501
Số cuối kỳ	<u>29.255.642</u>	<u>107.521.350</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – TM số 39)
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	1.228.339.888	1.085.474.890
Trả trước cho nhà thầu của các công trình xây dựng căn hộ và mua máy móc, thiết bị	54.161.502	217.804.106
Trả trước cho thầu phụ các dự án sân bay	3.233.978	3.214.912
Trả trước cho việc mua đất và các dự án bất động sản	-	1.834.466
TỔNG CỘNG	<u>1.285.735.368</u>	<u>1.308.328.374</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước các bên liên quan (TM số 35)</i>	752.173.220	731.281.859
<i>Trả trước các bên khác</i>	533.562.148	577.046.515

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

		Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<i>Ngàn VND</i>			
Ngắn hạn			
Cho vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 35) (i)		1.692.764.237	1.976.619.350
Cho vay ngắn hạn các bên khác (ii)		129.041.618	41.209.025
		1.821.805.855	2.017.828.375
Dài hạn			
Cho vay dài hạn bên liên quan (TM số 35) (i)		6.130.666.477	5.187.885.336
Cho vay dài hạn các bên khác (ii)		325.938.421	359.484.809
Cho vay dài hạn Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (iii)		169.850.950	170.000.598
		6.626.455.848	5.717.370.743
TỔNG CỘNG		8.448.261.703	7.735.199.118

- (i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan có thời hạn hoàn trả từ năm 2017 đến năm 2020 và lãi suất trung bình từ 6% đến 15%/năm.
- (ii) Cho vay dài hạn và ngắn hạn các bên khác thể hiện khoản cho vay tín chấp các công ty với thời hạn hoàn trả từ tháng 7 năm 2017 đến tháng 9 năm 2021 với lãi suất trung bình từ 10% đến 15,1%/năm, chi tiết như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<i>Ngàn VND</i>		
Công ty TNHH Điện Quang Trung	168.015.082	110.000.000
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Samaki	105.627.305	135.441.322
Khác	181.337.652	155.252.512
TỔNG CỘNG	454.980.039	400.693.834

- (iii) Khoản cho Chính phủ Lào vay - Dự án sân bay quốc tế Attapeu thể hiện khoản cho Chính phủ Lào vay không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký kết với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cân trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai.

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Nợ gốc (USD)	7.482.421	7.482.421
Nợ gốc (Ngàn VND)	169.850.950	170.000.598

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – TM số 39)
		Ngàn VND
Ngắn hạn	1.879.088.308	1.642.846.329
Lãi cho vay các công ty	1.299.888.243	1.210.375.522
Tạm ứng cho nhân viên	75.597.974	51.578.038
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	36.861.006	44.289.460
Lãi cho vay nhân viên	5.484.388	22.194.946
Phải thu ngắn hạn khác	461.256.697	314.408.363
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 35)</i>	<i>1.665.178.907</i>	<i>1.392.419.329</i>
<i>Phải thu các bên khác</i>	<i>213.909.401</i>	<i>250.427.000</i>
Dài hạn	850.566.871	666.260.512
Cho mượn các công ty	441.690.321	397.983.108
Lãi cho vay các công ty	276.229.257	114.328.180
Phải thu Hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	85.000.000	132.347.166
Các khoản ký quỹ dài hạn	17.364.601	20.931.632
Phải thu dài hạn khác	30.282.692	670.426
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu dài hạn các bên liên quan (TM số 35)</i>	<i>747.183.706</i>	<i>588.990.280</i>
<i>Phải thu các bên khác</i>	<i>103.383.165</i>	<i>77.270.232</i>
TỔNG CỘNG	<u>2.729.655.179</u>	<u>2.309.106.841</u>

(*) Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Cao Su Trung Nguyên ("CSTN") – công ty con trong Tập đoàn, và Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai, bên liên quan, để đầu tư vào dự án Chăn nuôi và Phát triển đàn bò sinh sản, bò thịt với tổng giá trị dự án là 1.499.451.326 ngàn VND trong thời hạn 5 năm (từ ngày 20 tháng 5 năm 2016 đến ngày 20 tháng 5 năm 2021). Theo đó, CSTN sẽ góp 98.771.107 ngàn VND vốn đầu tư vào dự án. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, CSTN đã góp được số tiền 85.000.000 ngàn VND. Lợi nhuận từ dự án sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế của các bên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – TM số 39)</i>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	838.923.889	1.257.917.720
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hoạt động xây dựng</i>	<i>578.439.501</i>	<i>601.329.775</i>
<i>Chi phí nuôi bò thịt (i)</i>	<i>184.438.271</i>	<i>419.894.535</i>
<i>Hoạt động sản xuất</i>	<i>76.010.885</i>	<i>235.904.225</i>
<i>Cung cấp dịch vụ</i>	<i>35.232</i>	<i>789.185</i>
Chi phí các căn hộ xây để bán (ii)	120.963.573	134.333.625
Nguyên vật liệu	84.360.279	175.173.958
Công cụ, dụng cụ	76.328.233	70.188.232
Hàng hóa	40.155.893	9.573.753
Vật liệu xây dựng	9.537.954	15.206.574
Thành phẩm	8.677.852	135.842.633
TỔNG CỘNG	1.178.947.673	1.798.236.495
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(26.666.307)	(185.124.943)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.152.281.366	1.613.111.552

- (i) Tất cả bò thịt đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Tập đoàn (TM số 24).
- (ii) Các căn hộ sẵn sàng để bán đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Tập đoàn (TM số 24).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND						
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Vật nuôi và cây trồng lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – TM số 39)	3.307.878.514	2.103.581.628	1.804.921.508	8.227.943	2.609.787.138	49.044.059	9.883.440.790
Tăng trong kỳ	108.671.731	23.951.916	52.922.226	32.064	1.978.273.126	292.501	2.164.143.564
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	97.552.456	9.101.217	43.693.644	-	1.940.460.608	-	2.090.807.925
Mua trong kỳ	30.917.611	4.300.483	38.301.004	33.651	62.098.405	350.000	136.001.154
Chênh lệch tỷ giá	(19.798.336)	10.550.216	(29.072.422)	(1.587)	(24.285.887)	(57.499)	(62.665.515)
Giảm trong kỳ	(868.047.324)	(1.112.337.033)	(198.546.071)	(207.354)	(259.329.103)	(5.623.542)	(2.444.090.427)
Thanh lý	(2.546.309)	(1.859.373)	(3.315.182)	-	(259.329.103)	(5.623.542)	(272.673.509)
Thanh lý công ty con	(865.501.015)	(1.110.477.660)	(195.230.889)	(207.354)	-	-	(2.171.416.918)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	2.548.502.921	1.015.196.511	1.659.297.663	8.052.653	4.328.731.161	43.713.018	9.603.493.927
Giá trị khấu hao lũy kế							
Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – TM số 39)	(374.391.440)	(477.143.656)	(317.962.158)	(5.395.881)	(247.134.720)	(20.186.681)	(1.442.214.536)
Tăng trong kỳ	(54.193.051)	(51.351.172)	(71.999.882)	(419.452)	(96.239.502)	(2.794.274)	(276.997.333)
Khấu hao trong kỳ	(54.193.051)	(51.351.172)	(71.999.882)	(419.452)	(96.239.502)	(2.794.274)	(276.997.333)
Giảm trong kỳ	151.897.850	268.839.795	52.109.447	183.270	61.488.973	1.272.693	535.792.028
Thanh lý	4.647.375	613.860	1.465.743	-	61.286.148	-	68.013.126
Thanh lý công ty con	126.605.155	278.098.400	49.860.429	177.650	-	1.243.975	455.985.609
Chênh lệch tỷ giá	20.645.320	(9.872.465)	783.275	5.620	202.825	28.718	11.793.293
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	(276.686.641)	(259.655.033)	(337.852.593)	(5.632.063)	(281.885.249)	(21.708.262)	(1.183.419.841)
Giá trị còn lại							
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	2.933.487.074	1.626.437.972	1.486.959.350	2.832.062	2.362.652.418	28.857.378	8.441.226.254
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	2.271.816.280	755.541.478	1.321.445.070	2.420.590	4.046.845.912	22.004.756	8.420.074.086
<i>Trong đó:</i>							
Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp các khoản vay (TM số 24)	2.271.816.280	755.541.478	1.321.445.070	-	4.046.845.912	22.004.756	8.417.653.496
Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết	45.174.671	6.293.743	155.542.597	2.302.285	-	1.557.275	210.870.571

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất (*)</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Ngàn VND</i>
			<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016 <i>(Trình bày lại – TM số 39)</i>	1.273.182.644	134.285.181	1.407.467.825
Chênh lệch tỷ giá	<u>(1.087.870)</u>	<u>-</u>	<u>(1.087.870)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>1.272.094.774</u>	<u>134.285.181</u>	<u>1.406.379.955</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016 <i>(Trình bày lại – TM số 39)</i>	(24.726.271)	(51.972.681)	(76.698.952)
Hao mòn trong kỳ	<u>(6.800.237)</u>	<u>(8.244.666)</u>	<u>(15.044.903)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>(31.526.508)</u>	<u>(60.217.347)</u>	<u>(91.743.855)</u>
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016 <i>(Trình bày lại – TM số 39)</i>	<u>1.248.456.373</u>	<u>82.312.500</u>	<u>1.330.768.873</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>1.240.568.266</u>	<u>74.067.834</u>	<u>1.314.636.100</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp các khoản vay (TM số 24)</i>	1.240.568.266	74.067.834	1.314.636.100
<i>Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết</i>	-	294.964	294.964

(*) Khoản này chủ yếu thể hiện giá trị quyền sử dụng đất trả trước của dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Văn phòng cho thuê</i>	<i>Trung tâm thương mại</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016 <i>(Trình bày lại – TM số 39)</i>	22.072.022	19.597.252	2.409.421.034	1.138.843.022	3.589.933.330
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(2.120.969)	(1.002.503)	(3.123.472)
Thanh lý trong kỳ	-	(2.038.852)	-	-	(2.038.852)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>22.072.022</u>	<u>17.558.400</u>	<u>2.407.300.065</u>	<u>1.137.840.519</u>	<u>3.584.771.006</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016 <i>(Trình bày lại – TM số 39)</i>	(739.395)	(3.033.441)	(31.772.520)	(22.516.125)	(58.061.481)
Khấu hao trong kỳ	(369.697)	(328.434)	(25.473.169)	(12.040.212)	(38.211.512)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	67.606	(19.821)	47.785
Thanh lý trong kỳ	-	596.496	-	-	596.496
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>(1.109.092)</u>	<u>(2.765.379)</u>	<u>(57.178.083)</u>	<u>(34.576.158)</u>	<u>(95.628.712)</u>
Giá trị còn lại					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016 <i>(Trình bày lại – TM số 39)</i>	<u>21.332.627</u>	<u>16.563.811</u>	<u>2.377.648.514</u>	<u>1.116.326.897</u>	<u>3.531.871.849</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>20.962.930</u>	<u>14.793.021</u>	<u>2.350.121.982</u>	<u>1.103.264.361</u>	<u>3.489.142.294</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp các khoản vay (TM số 24)</i>	20.962.930	14.793.021	2.350.121.982	1.103.264.361	3.489.142.294

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	327.754.178	460.341.756
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	137.569.322	151.874.795

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2017. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này, Ban Giám đốc Tập đoàn tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – TM số 39)
Chi phí phát triển vườn cây cao su	8.021.187.894	9.412.151.145
Nhà máy thủy điện (*)	3.448.372.687	3.435.534.450
Chi phí phát triển vườn cây cọ dầu	3.362.257.270	3.243.680.311
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả	1.091.025.001	638.772.312
Nhà xưởng và nhà máy nông trường	686.511.688	694.595.616
Chi phí dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar	348.517.837	307.993.752
Chi phí phát triển vườn tiêu	99.439.200	119.602.634
Học viện bóng đá HAGL - Arsenal JMG	46.500.072	39.910.578
Chi phí xây dựng chuồng bò	-	4.726.452
Khác	126.184.942	96.771.577
TỔNG CỘNG	<u>17.229.996.591</u>	<u>17.993.738.827</u>

Vườn cây cao su, cây cọ dầu, Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar, nhà máy thủy điện, vườn tiêu, chi phí dự án bò, vườn cây ăn quả và các công trình khác đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Tập đoàn (TM số 24).

(*) Bao gồm trong số dư này là dự án Thủy điện Nậm Kông 2 tại Lào trị giá 2.327.026.567 ngàn VND, hiện đang trong quá trình chuyển giao cho đối tác và Tập đoàn đã nhận được một khoản tiền ứng trước từ đối tác này (TM số 20).

15. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong kỳ, Tập đoàn đã vốn hóa chi phí đi vay trị giá 371.127.144 ngàn VND (kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 474.465.553 ngàn VND). Các khoản chi phí đi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu để sử dụng cho việc xây dựng và phát triển các tài sản cố định, công trình thủy điện, cao su, cọ dầu và các dự án khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ
		(%)	Ngàn VND	(%)	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai ("CNGL")	Chăn nuôi và cây ăn quả	23,46	597.016.658	23,46	599.017.484
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	49,14	261.763.969	49,14	259.139.025
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Tư vấn và thiết kế	25,00	7.609.521	25,00	7.609.521
TỔNG CỘNG			866.390.148		865.766.030

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

	Ngàn VND
Giá trị đầu tư	
Ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2017	856.553.911
Phần lợi nhuận lũy kế sau khi đầu tư	
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	9.212.119
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết trong kỳ	624.118
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	9.836.237
Giá trị còn lại	
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	865.766.030
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	866.390.148

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – TM số 39)
Công cụ, dụng cụ	392.981.455	378.705.164
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả	287.762.418	181.146.502
Chi phí khai hoang	211.856.089	109.762.962
Tiền thuê đất	78.649.307	73.795.185
Chi phí đào tạo học viện bóng đá HAGL - JMG	53.276.076	57.955.720
Chi phí thuê văn phòng	25.058.639	25.358.651
Chi phí phát triển vườn mía	-	551.664.813
Chi phí trả trước dài hạn khác	7.485.267	43.902.008
TỔNG CỘNG	1.057.069.251	1.422.291.005

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Ngàn VND
Giá trị

Nguyên giá

Ngày 31 tháng 12 năm 2016	3.196.140.815
Giảm trong kỳ do thanh lý một phần sở hữu vào công ty con	(224.232.215)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>2.971.908.600</u>

Giá trị phân bổ lũy kế

Ngày 31 tháng 12 năm 2016	155.232.215
Phân bổ trong kỳ	159.799.020
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>315.031.235</u>

Giá trị còn lại

Ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>3.040.908.600</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>2.656.877.365</u>

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Ngàn VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Trình bày lại – TM số 39)

Phải trả nhà thầu xây dựng	541.818.119	446.817.869
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	488.747.065	509.399.199
Phải trả tiền mua máy móc thiết bị và phát triển vườn cây	5.671.463	5.256.463
Phải trả tiền sử dụng đất dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar	-	451.447.328
Phải trả người bán khác	11.136.417	7.749.101
TỔNG CỘNG	<u>1.047.373.064</u>	<u>1.420.669.960</u>

Trong đó:

Phải trả người bán khác	718.271.379	1.355.646.448
Phải trả các bên liên quan (TM số 35)	329.101.685	65.023.512

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – TM số 39)
Nhà đầu tư (Chaleun Sekong Group) ứng tiền trước mua cổ phần công ty con (TM số 14)	1.928.146.609	1.937.491.633
Khách hàng thương mại trả tiền trước	595.180.258	958.374.465
Trong đó:		
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Bình Hà	103.163.300	103.163.300
Các khách hàng khác	492.016.958	855.211.165
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước (i)	893.779.745	519.716.566
Khách hàng dịch vụ xây dựng trả tiền trước	185.615.615	193.716.544
TỔNG CỘNG	<u>3.602.722.227</u>	<u>3.609.299.208</u>
Trong đó:		
Các khách hàng khác	3.296.867.866	3.391.164.104
Các bên liên quan (TM số 35)	305.854.361	218.135.104

(i) Khoản nhận tiền ứng trước từ khách hàng mua căn hộ tại dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar.

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – TM số 39)	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 34.1)	1.519.411	16.311	-	1.535.722
Thuế khác	9.539.760	2.912.181	-	12.451.941
TỔNG CỘNG	<u>11.059.171</u>	<u>2.928.492</u>	<u>-</u>	<u>13.987.663</u>
Phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	101.633.401	39.217.697	(22.097.234)	118.753.864
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 34.1)	64.559.662	42.195.168	(1.673.552)	105.081.278
Thuế thu nhập cá nhân	13.038.425	7.724.543	(11.204.561)	9.558.407
Thuế khác	16.419.935	24.637.968	(14.411.794)	26.646.109
TỔNG CỘNG	<u>195.651.423</u>	<u>113.775.376</u>	<u>(49.387.141)</u>	<u>260.039.658</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – TM số 39)
		Ngàn VND
Chi phí lãi vay	878.136.318	730.609.649
Chi phí hoạt động	77.368.846	63.344.318
Chi phí phát hành trái phiếu	46.418.226	54.980.000
TỔNG CỘNG	1.001.923.390	848.933.967
<i>Trong đó:</i>		
<i>Ngắn hạn</i>	522.274.637	844.711.426
<i>Dài hạn</i>	479.648.753	4.222.541

23. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – TM số 39)
		Ngàn VND
Ngắn hạn	1.128.556.638	1.267.280.641
Phải trả tiền mượn các công ty	526.707.286	631.779.529
Phải trả lãi vay	229.741.562	264.674.840
Phải các cá nhân khác	161.763.244	134.750.145
Phải trả tiền thuê đất	127.211.046	29.593.804
Phí bảo trì căn hộ	23.699.069	24.952.942
Các khoản khác	59.434.431	181.529.381
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn các bên khác</i>	723.036.058	827.510.311
<i>Phải trả ngắn hạn các bên liên quan (TM số 35)</i>	405.520.580	439.770.330
Dài hạn	1.152.866.270	979.252.302
Phải trả Hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	550.000.000	550.000.000
Phải trả lãi vay	267.122.485	-
Nhận ký quỹ dài hạn (ii)	234.850.192	225.056.393
Tiền thuê đất phải trả	99.097.066	202.945.354
Các khoản khác	1.796.527	1.250.555
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả dài hạn các bên khác</i>	602.866.270	429.252.302
<i>Phải trả dài hạn các bên liên quan (TM số 35)</i>	550.000.000	550.000.000
TỔNG CỘNG	2.281.422.908	2.246.532.943

- (i) Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên - công ty con trong Tập đoàn, và Công ty TNHH An Tiến ("An Tiến"), bên liên quan, để đầu tư vào dự án chăn nuôi bò thịt, bò sinh sản với tổng giá trị dự án là 963.968.249 ngàn VND trong thời hạn 5 năm (từ ngày 20 tháng 5 năm 2016 đến ngày 20 tháng 5 năm 2021). Theo đó, An Tiến sẽ góp 700 tỷ VND vốn đầu tư vào dự án. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, An Tiến đã góp số tiền là 550 tỷ VND. Lợi nhuận từ dự án sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế của các bên.
- (ii) Khoản nhận ký quỹ dài hạn chủ yếu là tiền ký quỹ thuê căn hộ, trung tâm thương mại và văn phòng dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – TM số 39)	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngân VND Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Vay ngắn hạn				
Trái phiếu chuyển đổi (TM số 24.1)	1.100.000.000	-	(1.100.000.000)	-
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 24.2)	1.108.676.967	1.069.698.919	(917.442.946)	1.260.932.940
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 24.4)	668.722.531	83.244.272	(110.354.795)	641.612.008
Vay ngắn hạn khác (TM số 24.5)	891.696.986	703.323.454	(700.502.987)	894.517.453
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả	1.948.199.649	103.999.795	(908.179.997)	1.144.019.447
Trong đó:				
Trái phiếu hoán đổi (TM số 24.6)	1.130.000.000	-	(433.000.000)	697.000.000
Trái phiếu thường trong nước (TM số 24.3)	818.199.649	103.999.795	(475.179.997)	447.019.447
	5.717.296.133	1.960.266.440	(3.736.480.725)	3.941.081.848
Vay dài hạn				
Trái phiếu thường trong nước (TM số 24.3)	11.510.416.174	301.474.570	(108.029.273)	11.703.861.471
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 24.4)	9.795.943.139	647.585.398	(1.018.356.075)	9.425.172.462
Vay dài hạn khác (TM số 24.5)	313.086.954	3.792.111	-	316.879.065
	21.619.446.267	952.852.079	(1.126.385.348)	21.445.912.998
TỔNG CỘNG	27.336.742.400	2.913.118.519	(4.862.866.073)	25.386.994.846

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.1 Trái phiếu chuyển đổi

Vào ngày 11 tháng 5 năm 2017, Northbrooks Investment (Maritius) Pte Ltd ("NIMP"), trái chủ của trái phiếu chuyển đổi trị giá 1.100 tỷ VND này, đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ trái phiếu này sang Công ty TNHH Blue Hope tương ứng 1.100.000 trái phiếu với mệnh giá 1.000.000 VND/trái phiếu.

Ngày 22 tháng 5 năm 2017, Hội đồng quản trị của Tập đoàn phê duyệt việc phát hành thêm 137.500.000 cổ phiếu HAG để chuẩn bị cho phương án chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu bằng hình thức phát hành riêng lẻ.

Vào ngày 30 tháng 5 năm 2017, Công ty TNHH Blue Hope đã tiến hành chuyển nhượng tất cả trái phiếu chuyển đổi này lại cho 6 cá nhân khác.

Đến ngày 6 tháng 6 năm 2017, 6 cá nhân này đã thực hiện quyền chuyển đổi toàn bộ trái phiếu này thành cổ phiếu HAG với tỷ lệ 1 trái phiếu: 125 cổ phiếu HAG, tại mức giá chuyển đổi là 8.000 VNĐ/cổ phiếu, tương đương 137.500.000 cổ phiếu đã được phát hành mới. Việc phát hành này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2205/17/NQĐHĐCĐ-HAGL ngày 22 tháng 5 năm 2017, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0506/17/NQHĐQT-HAGL ngày 5 tháng 6 năm 2017 và các thông báo chuyển đổi có liên quan.

24.2 Vay ngắn hạn ngân hàng

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – TM số 39)</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	799.391.685	541.434.117
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank")	231.704.413	-
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Ngân hàng Lào - Việt") - Chi nhánh Attapeu	117.473.472	349.778.076
Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Campuchia	81.640.120	24.157.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank") - Chi nhánh Đồng Nai	30.723.250	193.307.774
TỔNG CỘNG	<u>1.260.932.940</u>	<u>1.108.676.967</u>

Các khoản vay ngắn hạn được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Tập đoàn. Các khoản vay này chịu lãi suất thả nổi và được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, nhà xưởng và văn phòng, máy móc thiết bị, vườn cây cao su, vườn cây cọ dầu và đàn bò của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.2 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)
		Ngàn VND	Ngàn VND			
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai</i>						
Khoản vay 1	599.932.035	599.932.035	-	Từ ngày 6 tháng 7 năm 2017 đến ngày 26 tháng 1 năm 2018	6,8 – 10,4%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay thuộc dự án chăn nuôi bò thịt tại Huyện Chuprong, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Khoản vay 2	158.666.855	158.666.855	-	Từ ngày 29 tháng 11 năm 2017 đến ngày 16 tháng 4 năm 2018	9,3 – 11,6%/năm	Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là vườn cây cao su 1.194,74 ha tại Huyện Ia Pa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; Số dư tiền gửi ngân hàng 6 tỷ VND của HAG tại BIDV; Một phần khu thương mại Bà Thạc Gián tại Thành phố Đà Nẵng của HAG
Khoản vay 3	40.792.795	40.792.795	-	Từ tháng 1 năm 2018 đến ngày 27 tháng 3 năm 2018	9 - 11%/năm	Bệnh viện đại học Y Dược HAGL bao gồm quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất trị giá 262 tỷ VND; máy móc thiết bị, phương tiện vận tải tổng trị giá 67 tỷ VND
TỔNG CỘNG	799.391.685					
<i>Ngân hàng Tiên Phong, Hội sở Hà Nội</i>	231.704.413	231.704.413	-	Từ ngày 12 tháng 7 năm 2017 đến ngày 26 tháng 3 năm 2018	Bằng tổng lãi suất tiết kiệm 3 tháng TPbank cộng với biên độ 3,2%/năm (2017: 10%/năm)	Quyền sử dụng đất 180,4 ha và tài sản gắn liền trên đất tại Gia Lai của Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai; quyền sử dụng đất 925 ha của Công ty Cổ Phần Cao Su Đông Dương và tài sản gắn liền trên đất tại Kratie, Campuchia

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.2 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)
	Ngàn VND	Ngàn VND	USD			
HDBank, Chi nhánh Gia Lai	30.723.250	30.723.250	-	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2017 đến 12 tháng 7 năm 2017	10,5%/năm	Đàn bò thịt hình thành từ vốn vay thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao Su Trung Nguyên
Ngân hàng Lào - Việt ("LVB"), Chi nhánh Attapeu	117.473.472	-	5.282.501	Ngày 9 tháng 7 năm 2017	8%/năm	Quyền sử dụng 3 lô đất 1.001,78 ha tại Huyện Laman, Tỉnh Sekong, Lào và toàn bộ tài sản trên đất thuộc dự án nuôi bò và đàn bò nhập khẩu
<i>Ngân hàng Sacombank, Chi nhánh Campuchia</i>						
Khoản vay 1	23.317.620	-	1.000.000	Ngày 15 tháng 6 năm 2018	9%/năm	Quyền sử dụng đất tại Xã Talao, Huyện Ouchum, Tỉnh Rattanakiri và tại Xã Nhang, Huyện AndongMeas, Tỉnh Rattanakiri thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Oyadav
Khoản vay 2 - 4	58.322.500	-	2.500.000	Từ ngày 11 tháng 4 năm 2018 đến ngày 21 tháng 6 năm 2018	9%/năm	Đất tô nhượng và vườn cao su tại thôn Sre Thmay xã Khsum, huyện Snol, tỉnh Kro Ches, Campuchia của Hoàng Anh An Đông Meas
TỔNG CỘNG	81.640.120					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Trái phiếu thường trong nước

Chi tiết trái phiếu thường trong nước như sau:

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	643.660.847 240.000.000	820.108.381 240.000.000
BIDV và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	6.546.000.000	6.546.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia ("PHUGIASC")	930.000.000	930.000.000
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng ("VPBS")	991.000.000 183.000.000	1.000.000.000 183.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT ("FPTS") và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB")	594.000.000	600.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Euro Capital ("ECS")	1.694.000.000	1.700.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB ("IBSC") và VPB	431.000.000	431.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	<u>(101.779.929)</u>	<u>(121.492.558)</u>
TỔNG CỘNG	<u>12.150.880.918</u>	<u>12.328.615.823</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trái phiếu dài hạn</i>	11.703.861.471	11.510.416.174
<i>Trái phiếu dài hạn đến hạn trả</i>	447.019.447	818.199.649

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
ACBS	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	240.000.000	Năm thứ nhất 10%, năm thứ hai trở đi lãi suất sẽ bằng trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm doanh nghiệp kỳ hạn mười ba tháng bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 3,5%/năm (2017: 10%/năm)	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến ngày 30 tháng 12 năm 2020	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Tập đoàn bao gồm dự án trồng mới và chăm sóc 10.000 ha cao su (Tỉnh Rattanakiri, Campuchia); dự án nhà máy mía đường, nhiệt điện, ethanol và phân vi sinh (Tỉnh Attapeu, Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào ("Lào")); dự án thủy điện Nậm Kông 2 (Tỉnh Attapeu, Lào) và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	12.960.000 cổ phiếu HAG của Chủ tịch HĐQT; 13.405.675 cổ phiếu HNG do Công ty nắm giữ; 45.230.000 cổ phiếu của CNGI sở hữu bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú
	Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Bắc Á (*)	343.660.847	Bảng trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười ba (13) tháng bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 6,5%/năm (2017: 13,8%/năm)	27 tháng 4 năm 2017		62.021.000 cổ phiếu HAG của Chủ tịch HĐQT; 10.800.000 cổ phiếu HNG do Công ty nắm giữ; Quyền sử dụng 308,4 ha đất trồng cây ăn trái và các tài sản trên đất thuộc sở hữu của CNGI
	Công ty Cổ phần Việt Golden Farm (*)	300.000.000	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng của NHTMCP Tiên Phong cộng với biên độ 4,5% (2017: 10%/năm)	18 tháng 6 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	196.368.900 cổ phần HAN thuộc quyền sở hữu của Công ty; Tài sản hình thành từ công trình xây dựng Khu phức Hợp Hoàng Anh Myanmar của Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar
		883.660.847				

Trong đó:

Trái phiếu dài hạn
đến hạn trả

403.660.847

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, các điều kiện ràng buộc như được quy định trong hợp đồng trái phiếu đã bị
vi phạm. Tập đoàn đang trong quá trình làm việc với ngân hàng để xin gia hạn khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
BIDV và BSC	BIDV	6.546.000.000	Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng VND được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) NHTM tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 3%/năm (2017: 9,70%/năm)	Ngày 30 tháng 12 năm 2026	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	<p>Các quyền thuê đất như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 4.897,5 ha tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Công nghiệp - Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh; - 9.996,9 ha (trồng cao su) tại Tỉnh Attapeu ; 5.588 ha (trồng cao su) và 2.093 ha (trồng cọ dầu) tại Tỉnh Attapeu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; - 9.380,9 ha tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Một Thành viên Hoàng Anh Andong Meas; - 1.960,91 ha tại Tỉnh Rattanakiri thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Heng Brothers; - 3.283,66 ha tại Tỉnh Rattanakiri, thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV C.R.D <p>Tất cả tài sản (động sản và bất động sản) gắn liền trên đất và mọi quyền, quyền lợi và lợi ích gắn liền với hoặc phát sinh từ tài sản gắn liền với đất như trên;</p> <p>Quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên;</p> <p>44.926.000 cổ phiếu HAG Công ty do Chủ tịch HĐQT nắm giữ.</p>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
PHUGIASC	Ngân hàng HD - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai	930.000.000	Lãi suất điều chỉnh 3 tháng một lần và bằng chi phí vốn VND 12 tháng do ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM cộng với biên độ 3,5%/năm (2017: 10%/năm)	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	74.070.455 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 10.800.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT; 196.368.900 cổ phần HAN thuộc sở hữu của Công ty
VPBS	VPB	991.000.000	Bằng lãi suất tiền gửi đối với tổ chức kỳ hạn mười hai (12) tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cộng với biên độ áp dụng cho ba (3) kỳ tính lãi thuộc năm đầu tiên là 3,5%/năm và các kỳ tính lãi tiếp theo là 3,25%/năm (2017: 10,50 - 11%/năm)	Từ ngày 28 tháng 7 năm 2019 đến ngày 28 tháng 7 năm 2021	Hợp tác kinh doanh thực hiện Dự án chăn nuôi bò thịt và bò sữa tại Tỉnh Gia Lai với CNGL (600 tỷ VND), và tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty (400 tỷ VND)	110.628.505 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 4.700.000 cổ phiếu Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT; 19.940.000 cổ phiếu của HNG tại Công ty Cổ phần Daun Penh và dự án Daun Penh với quy mô 73.760.785 m2 tại Tỉnh Rattarakiri thuộc quyền sở hữu của Công ty Daun Penh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
IBSC	VPB	183.000.000	Bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng VND đối với cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của NH Việt Nam Thịnh Vượng được xác định tại ngày xác định LS + biên độ 4%/năm (2017: 10,5%/năm)	Ngày 29 tháng 12 năm 2020	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	198.484.450 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; Dự án 7.376,08 ha cọ dầu của Công ty TNHH Daun Penh Agrico tại xã Chey Ou Dom, huyện Lumphat, tỉnh Rattanakiri, Campuchia và 4.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT
IBSC	VPB	431.000.000	10,5% cho 3 kỳ tính lãi đầu tiên và các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của VPB cộng với biên độ 4,0% (2017: 10,5% - 11,3%/năm)	Từ ngày 27 tháng 3 năm 2018 đến ngày 27 tháng 12 năm 2020	Mục đích phát hành trái phiếu này là để cơ cấu lại nợ lãi trái phiếu của trái phiếu mệnh giá 1.400 tỷ VND	234.484.450 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi HAG; và toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với 7.376 ha đất tại Huyện Lumphat, Tỉnh Rattanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của các công ty con; 4.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT
Trong đó: Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		43.358.600				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
FPTS và VPB	VPB	594.000.000	Bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng VND đối với cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của NH Việt Nam Thịnh Vượng được xác định tại ngày xác định LS + biên độ 4%/năm (2017: 10,50 - 11%/năm)	Ngày 27 tháng 12 năm 2021	Dự án chăn nuôi bò thịt tại xã Ia Băng, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai cho Công ty Bò sữa Tây Nguyên, là công ty con, dưới hình thức hợp tác đầu tư	196.368.900 cổ phần HAN sở hữu bởi HAG; Tài sản hình thành từ công trình xây dựng Khu Phục Hợp Hoàng Anh Myanmar và vốn góp 51 triệu USD của HAN vào HAGL Myanmar; 225.970.000 cổ phần của Thủy điện HAGL; 198.484.450 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 19.940.000 cổ phần của HNG tại Công ty Cổ phần Daun Penh
ECS (*)	VPB	1.394.000.000	10,5% cho 3 kỳ tính lãi đầu tiên và các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của VPB - Chi nhánh Sở Giao dịch cộng với biên độ 4,5%/năm (2017: 11%/năm)	Từ ngày 17 tháng 8 năm 2019 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021	Mục đích phát hành trái phiếu này là để cơ cấu lại một phần nợ gốc trái phiếu có tổng mệnh giá 2.000 tỷ VND được phát hành vào tháng 12 năm 2012, bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Nhóm Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc cây cao su, cọ dầu và mía đường tại Campuchia và Lào	181.717.250 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty, trong đó có 31 triệu cổ phiếu HNG đã được dùng để đảm bảo cho trái phiếu có mệnh giá 600 tỷ VND
	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	300.000.000		Từ ngày 17 tháng 2 năm 2017 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021		

(*) Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, các điều khoản ràng buộc trong hợp đồng cầm cố có liên quan đã bị vi phạm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6	Ngàn VND
	năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – TM số 39)
Ngân Hàng TMCP Tiên Phong ("TPbank")	1.140.585.823	2.962.524.517
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	3.024.954.784	3.774.468.711
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	3.075.159.104	994.082.605
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Ngân hàng Lào - Việt") - Chi nhánh Attapeu	1.387.925.226	1.391.677.221
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank")	1.438.159.533	1.341.912.616
TỔNG CỘNG	10.066.784.470	10.464.665.670
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn	9.425.172.462	9.795.943.139
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	641.612.008	668.722.531

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để tài trợ cho các dự án xây dựng và phát triển thủy điện, trồng cây cao su và mía, phát triển dự án bò thịt, xây dựng trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng, khách sạn và mua sắm máy móc thiết bị của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Ngàn VND	Nguyên tệ USD	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 5, 10, 11, 12, 13 và 14)
TPBank – Hội sở	1.140.585.823	50.091.604	Từ ngày 10 tháng 7 năm 2017 đến ngày 10 tháng 6 năm 2023	Lãi suất LIBOR 3 tháng bằng USD vào thời điểm giải ngân + 7,8%/năm và điều chỉnh 3 tháng/lần	Tổng giá trị tài sản hình thành trong tương lai từ dự án “Trung tâm Thương mại Hoàng Anh Gia Lai Myanmar” thuộc sở hữu của HAGL Myanmar; 196.368.900 cổ phần HAN thuộc sở hữu của Công ty; Phần vốn góp 51 triệu USD của HAN góp vào HAGL Myanmar
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	108.032.903				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Ngàn VND	Nguyên tệ USD	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 5, 10, 11, 12, 13 và 14)
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai</i>					
Khoản vay 1	730.414.422	32.077.928	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,70% (2017: 7,05 - 7,2%/năm)	Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha tại Huyện Saysetha và Huyện Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào
Khoản vay 2 (*)	218.359.830	-	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2017 đến ngày 4 tháng 5 năm 2022	Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo + 3,20% (2017: 12%/năm)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò thịt tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Khoản vay 3	79.171.245	3.542.200	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2016 đến ngày 23 tháng 12 năm 2024	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 5%/năm	Toàn bộ giá trị đầu tư và quyền khai thác của công trình Thủy điện Nậm Kông 2 được hình thành trong tương lai; Toàn bộ công trình Khu liên hợp học viện bóng đá HAGL; Một phần bệnh viện Đại học Y Dược HAGL
Khoản vay 4 (*)	74.544.317	-	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2017 đến ngày 4 tháng 5 năm 2022	Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo + 3,20% (2017: 9,9 – 12,3%/năm)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò thịt tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Khoản vay 5 (*)	65.968.271	-	Từ ngày 5 tháng 12 năm 2017 đến ngày 5 tháng 9 năm 2022	Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 3,00% nhưng không thấp hơn tại thời điểm cho vay, điều chỉnh 3 tháng 1 lần (2017: 9,9%/năm)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò thịt tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

(*) Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, các điều khoản ràng buộc trong hợp đồng cầm cố có liên quan đã bị vi phạm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 5, 10, 11, 12, 13 và 14)
	Ngàn VND	Ngàn VND				
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai (tiếp theo)</i>						
Khoản vay 6	601.306.442	313.978.211	12.618.719	Từ ngày 13 tháng 3 năm 2019 đến ngày 28 tháng 12 năm 2019	7,7 - 7,82%/năm (khoản vay USD) 9,3 - 11,6%/năm (khoản vay VND)	Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là vườn cây cao su 1.194,74 ha tại Huyện Ia Pa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; Số dư tiền gửi ngân hàng 6 tỷ VND của HAG tại BIDV; Căn hộ và một phần khu thương mại Bà Thạc Gián tại Thành phố Đà Nẵng của HAG; 3,31 triệu cổ phiếu HNG do HAG nắm giữ
Khoản vay 7	600.569.351	474.725.354	5.522.001	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2017 đến ngày 20 tháng 10 năm 2019	11,6%/năm	Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của vườn cao su 1.194,74 ha và các lợi ích hợp pháp khác từ vườn cây trên 1.199 ha tại xã Pờ Tó, Ia Pa, Gia Lai (của công ty Cao Su Trung Nguyên)_GCNQSDĐ số AP709627 diện tích 5.870.000m ² và GCNQSDĐ số AQ082358 diện tích 6.120.000m ² ; Toàn bộ công trình khu liên hợp học viện bóng đá HAGL tại Ia Băng, Đak Đoa, Gia Lai; Toàn bộ công trình đại học Y Dược HAGL; 3.310.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của HAGL

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 5, 10, 11, 12, 13 và 14)
	Ngàn VND	USD			
Sacombank, Chi nhánh Đà Nẵng	262.454.605	-	Từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 12 năm 2026	Năm 2017: 9,5%/năm và từ 2018 trở đi bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Sacombank cộng biên độ 2% được điều chỉnh 3 tháng/lần	23,2 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch HĐQT; 14,5 triệu Cổ phần Công ty CP Hoàng Anh Quang Minh thuộc sở hữu của HNG
Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn					
Khoản vay 1	300.000.000	-	Từ ngày 28 tháng 6 năm 2020 đến ngày 28 tháng 12 năm 2021	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng + 2,5% một tháng, điều chỉnh 3 lần/năm (2017: 10%/năm)	Quyền sử dụng 3.467 ha rừng cao su và tài sản gắn liền trên đất tại Tỉnh Gia Lai được Công ty cổ phần Cao Su Trung Nguyên trồng và khai thác; Quyền sử dụng đất 687,9 ha cao su và tài sản gắn liền trên đất tại Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam; 18,57 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch HĐQT; 14,5 triệu cổ phiếu HNG của Công ty CP Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai; 4,99 triệu cổ phần Công ty CP Hoàng Anh Quang Minh thuộc sở hữu của HNG
Khoản vay 2	2.084.434.019	91.542.996	Từ ngày 10 tháng 7 năm 2017 đến ngày 10 tháng 6 năm 2023	Lãi suất LIBOR 3 tháng bằng USD vào thời điểm giải ngân + 7,8%/năm và điều chỉnh 3 tháng/lần	Tổng giá trị tài sản hình thành trong tương lai từ dự án "Trung tâm Thương mại Hoàng Anh Gia Lai Myanmar" thuộc sở hữu của HAGL Myanmar; 196.368.900 cổ phần HAN thuộc sở hữu của Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Ngàn VND	Nguyên tệ USD	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 5, 10, 11, 12, 13 và 14)
Sacombank, Chi nhánh Thủ Đức					
Khoản vay 1	250.000.000	-	Từ ngày 25 tháng 12 năm 2021 đến ngày 25 tháng 12 năm 2026	Lãi suất thả nổi (2017: 10 – 11,85%/năm)	Quyền sử dụng đất 1.328,1 ha cao su và tài sản gắn liền trên đất tại Huyện Chư prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; Quyền sử dụng đất 479,2 ha tại Xã EaH'leo, Huyện EaH'leo giá trị 95,84 tỷ VND và 683,33 ha tại Xã EaH'leo, Huyện EaH'leo, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Khoản vay 2	85.000.000	-	Từ ngày 25 tháng 4 năm 2020 đến ngày 11 tháng 10 năm 2021	9,5%/năm cho năm đầu tiên và các năm tiếp theo bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng trả sau của SCB cộng biên độ 2,5%/năm. (2017: 9,5%/năm)	Quyền sử dụng 1.328 ha cao su và tài sản gắn liền trên đất tại Ia Púch, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Sacombank, Chi nhánh Campuchia	93.270.480	4.000.000	Ngày 23 tháng 6 năm 2021	9%/năm	Quyền sử dụng đất thuê lâu dài tại Xã Talao, Huyện Ouchum và Xã Nhang, Huyện Andong Meas, Tỉnh Rattanakiri, Campuchia
Tổng cộng	<u>3.075.159.104</u>				
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	347.717.755				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 5, 10, 11, 12, 13 và 14)
	Ngân VND	USD Ngân LAK			
<i>Ngân hàng Lào - Việt ("LVB"), Chi nhánh Attapeu</i>					
Khoản vay 1	365.593.854	- 135.908.495	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2018 đến ngày 25 tháng 12 năm 2026	Bằng lãi suất tiền gửi cá nhân kỳ hạn 12 tháng tại LVB + biên độ lãi suất, điều chỉnh 06 tháng/lần (2017: 12 - 12,75%/năm)	Toàn bộ công trình XD, các loại MMTB gắn liền với công trình thủy điện Nậm Kông 3 hình thành sau đầu tư tại Huyện Phu Vông, Tỉnh Attapeu, Lào
Khoản vay 2	311.451.875	14.005.246	- Từ ngày 25 tháng 11 năm 2018 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022	10%/năm	Trụ sở làm việc của công ty TNHH Phát triển nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu tại Km 31, bản Hatxan, Huyện Xaysettha, tỉnh Attapeu theo bản đồ đất số 17 001 0008;
Khoản vay 3	110.890.919	4.986.500	- Từ ngày 25 tháng 11 năm 2018 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022	8,75%/năm	Diện tích đất 0,3 ha của Nhà máy chế biến mủ cao su tại Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào và Toàn bộ đàn bò nhập về của TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 5, 10, 11, 12, 13 và 14)
	Ngàn VND	USD				
<i>Ngân hàng Lào - Việt ("LVB"), Chi nhánh Attapeu (tiếp theo)</i>						
Khoản vay 4	275.984.447	7.649.850	39.355.143	Ngày 21 tháng 6 năm 2018 đến ngày 14 tháng 3 năm 2023	USD: điều chỉnh 2 lần/năm (2017: 9,5 – 11%/năm). LAK: lãi suất tiết kiệm 13 tháng + 3%, điều chỉnh 2 lần/năm (2017: 12,75 - 13,75/năm)	Trụ sở làm việc của công ty TNHH Phát triển nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu tại Km 31, bản Hatxan, Huyện Xaysettha, tỉnh Attapeu theo bản đồ đất số 17 001 0008; Diện tích đất 0,3 ha của Nhà máy chế biến mũ cao su tại Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào và Toàn bộ đàn bò nhập về của TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu
Khoản vay 5	222.993.851	10.027.500	-	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2019 đến ngày 25 tháng 10 năm 2022	9,5 – 10%/năm	Quyền sử dụng 3 lô đất 1.001,78 ha tại Huyện Laman, Tỉnh SeKong, Lào và toàn bộ tài sản trên đất thuộc dự án nuôi bò và đàn bò nhập khẩu
Khoản vay 6	101.010.280	-	4.542.191	Từ ngày 25 tháng 2 năm 2017 đến ngày 30 tháng 11 năm 2020	Lãi suất thả nổi (2017: 9,50 - 10,5%/năm)	Tất cả các dụng cụ xây dựng, vật tư máy móc phục vụ cho dự án xây dựng nhà máy chế biến cọ dầu phát sinh sau khi bỏ vốn đầu tư
Tổng cộng	1.387.925.226					
<i>Trong đó:</i>						
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	39.465.378					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 5, 10, 11, 12, 13 và 14)
	6 năm 2017	Ngàn VND	USD			
<i>HD Bank - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai</i>						
Khoản vay 1	878.692.452	450.000.000	18.827.073	Từ ngày 25 tháng 6 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	Điều chỉnh 2 lần mỗi năm (2017: USD 7 - 7,5%/năm và VND 10,5 - 12%/năm)	42.880.000 cổ phiếu HAG của Chủ tịch HĐQT và Bà Hoàng Thị Ngọc Bích - vợ Chủ tịch; Quyền sử dụng 7.924 ha đất tại Tỉnh Rataniki, Campuchia và tài sản gắn liền đất;
Khoản vay 2	299.706.456	299.706.456	-	Từ năm 2019 đến 30 tháng 8 năm 2020	10,5%/năm	196.368.090 cổ phiếu HAN do công ty HAG sở hữu
<i>HD Bank - Chi nhánh Gia Lai</i>						
Khoản vay 1	99.800.000	99.800.000	-	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2019 đến ngày 30 tháng 9 năm 2021	12,5%/năm	Toàn bộ cây ăn quả và quyền khai thác hình thành trong tương lai của dự án trồng cây ăn quả bao gồm cả nguồn thu, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ dự án.
Khoản vay 2	97.000.000	97.000.000	-	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020	13%/năm	Toàn bộ cây ăn quả và quyền khai thác hình thành trong tương lai của dự án; Toàn bộ đàn bò đang thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên
<i>HD Bank - Chi nhánh Đắk Lắk</i>	62.960.625	62.960.625	-	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2017 đến ngày 2 tháng 12 năm 2020	Lãi suất thả nổi (2017: 10,5 - 11,25%/năm)	Tài sản hình thành từ vốn vay, đàn bò và bê con thuộc dự án chăn nuôi bò
Tổng cộng	<u>1.438.159.533</u>					
<i>Trong đó:</i>						
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	14.349.165					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.5 Vay ngắn hạn khác và vay dài hạn khác

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên đối tượng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp
	Ngàn VND	Nguyên tệ Ngàn VND Ngân Lak				
Vay ngắn hạn khác						
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	414.119.000	414.119.000	-	Ngày 20 tháng 6 năm 2018	4,2%/năm	Tín chấp
Công ty Chaleun Sekong Energy	288.227.689	288.227.689	-	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Không lãi suất	Tín chấp
Ông Đỗ Mai Anh Tuấn (*)	74.691.212	- 27.766.249		Hoàn trả trong vòng 9 tháng kể từ ngày 1 tháng 12 năm 2015	Không lãi suất	Tín chấp
Công ty Cổ Phần Địa ốc Nhật Hoa (*)	48.299.253	48.299.253	-	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 và Ngày 28 tháng 8 năm 17	5,5% - 13%/năm	Tín chấp
Bà Trần Thị Hữu Duyên (*)	33.529.000	33.529.000	-	Ngày 27 tháng 8 năm 2017 và Ngày 29 tháng 1 năm 2017	7%-10%/năm	Tín chấp
Các cá nhân khác và công ty (*)	35.651.299	35.651.300	-	Từ ngày 3 tháng 3 năm 2016 đến ngày 4 tháng 11 năm 2017	8% - 11%/năm	Tín chấp
Tổng cộng vay ngắn hạn khác	894.517.453					
<i>Trong đó:</i>						
<i>Vay bên liên quan (TM số 35)</i>	<i>421.942.000</i>					
Vay dài hạn khác						
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	298.000.000	298.000.000	-	Ngày 28 tháng 9 năm 2018	6%/năm	Tín chấp
Bà Huỳnh Trần Thanh Phương	3.000.000	3.000.000	-	Ngày 29 tháng 6 năm 2019	6,5%/năm	Tín chấp
Cá nhân khác	15.879.065	15.879.065	-	Hoàn trả khi có yêu cầu	Không lãi suất	Tín chấp
Tổng cộng vay dài hạn khác	316.879.065					
<i>Trong đó:</i>						
<i>Vay bên liên quan (TM số 35)</i>	<i>298.000.000</i>					

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn chưa thực hiện thanh toán các khoản vay cá nhân đến hạn trị giá 166.895.499 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.6 Trái phiếu hoán đổi

Chi tiết trái phiếu hoán đổi như sau:

Trái chủ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Lãi suất	Ngày đáo hạn
	Ngàn VND	Ngàn VND		
Công ty TNHH Glory Red Star (i)	697.000.000	697.000.000	Lãi suất = 5%/năm x (1+ Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đoái)	Ngày 14 tháng 7 năm 2017
Công ty Cổ phần Quản lý Quý Sài Gòn (ii)	-	433.000.000	"Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đoái" là thay đổi tỷ giá hối đoái chính thức giữa USD và VND do HSBC niêm yết kể từ ngày phát hành Trái Phiếu đến trước ngày 2 ngày làm việc so với ngày thanh toán lãi	
Tổng cộng	697.000.000	1.130.000.000		

Các khoản trái phiếu tín chấp trên được thực hiện nhằm tài trợ cho các dự án đầu tư và bổ sung vốn lưu động của HNG.

- (i) Hoán đổi: Chủ sở hữu Trái Phiếu có quyền hoán đổi Trái Phiếu toàn bộ hoặc một phần thành các cổ phần của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai do Công ty nắm giữ tại bất kỳ thời điểm nào kể từ (i) ngày niêm yết các cổ phần của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai hoặc (ii) ngày tròn ba năm kể từ Ngày Hoàn Tất tùy thuộc ngày nào muộn hơn, và kết thúc vào (i) ngày đến hạn hoặc (ii) trong trường hợp Trái Phiếu được gia hạn, ngày trước ngày tròn sáu năm kể từ Ngày Hoàn Tất.

Vào ngày 29 tháng 6 năm 2017, công ty Northbooks Investment Mauritius Pte Ltd, chủ sở hữu trái phiếu hoán đổi có mệnh giá 697 tỷ VND đã thực hiện thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ trái phiếu hoán đổi này cho Công ty TNHH Glory Red Star với số lượng 697.000 trái phiếu hoán đổi với mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu.

Sau ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, toàn bộ trái phiếu hoán đổi này đã được xử lý như được trình bày tại TM số 40.

- (ii) Vào ngày 2 tháng 5 năm 2017 và ngày 20 tháng 6 năm 2017, theo các yêu cầu của Công ty Cổ phần Quản lý Quý Sài Gòn (Saigon Capital), tổ chức nắm giữ các trái phiếu hoán đổi với tổng giá trị 433 tỷ VND này, Tập đoàn đã hoàn thành việc hoán đổi bằng 43.300.000 cổ phiếu HNG. (TM số 4.2)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.7 Trái phiếu kèm chứng quyền

Vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, Công ty đã phát hành 20.000 trái phiếu với tổng giá trị là 2.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100 triệu VND) do Công ty chứng khoán ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng "VPBS" thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm và được ân hạn thêm một (1) năm. Công ty đã mua lại 17.000 trái phiếu với tổng mệnh giá là 1.700 tỷ VND vào ngày 17 tháng 11 năm 2015 và 3.000 trái phiếu còn lại với tổng mệnh giá là 300 tỷ VND vào ngày 18 tháng 5 năm 2016.

Ngoài ra, mỗi trái phiếu phát hành kèm theo một chứng quyền và các chứng quyền này sẽ được coi là chứng khoán hoàn toàn độc lập với các trái phiếu ngay sau khi được phát hành. Mỗi chứng quyền sẽ cho phép người nắm giữ có quyền mua một số lượng cổ phần của Công ty tương đương với 0,000775% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền và theo nguyên tắc là tất cả các chứng quyền trong đợt phát hành này nếu được thực hiện toàn bộ sẽ luôn đảm bảo cho những người sở hữu chứng quyền quyền sở hữu đối với 15,5% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền.

Vào ngày 23 tháng 6 năm 2015, theo thỏa thuận giữa ECS - công ty sở hữu 20.000 chứng quyền và Công ty, ngày hết hạn của chứng quyền được gia hạn thêm hai (2) năm. Theo đó, thời hạn thực hiện quyền mua cổ phần theo chứng quyền được tăng từ bốn (4) năm lên sáu (6) năm kể từ ngày phát hành chứng quyền, tức là ngày 5 tháng 12 năm 2018.

25. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn chủ yếu thể hiện khoản thuế nhà thầu trích trước liên quan đến các khoản vay của các công ty con trong Tập đoàn hoạt động ngoài lãnh thổ Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

26.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Ngàn VND						
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016							
Ngày 1 tháng 1 năm 2016	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	555.077.253	279.895.303	2.023.903.249	14.296.947.419
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	(862.094.186)	(862.094.186)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	22.029.464	-	-	22.029.464
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	702.413.690	702.413.690
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	577.106.717	279.895.303	1.864.222.753	14.159.296.387
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017							
Ngày 1 tháng 1 năm 2017 (Trình bày lại – TM số 39)	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	623.942.651	279.895.303	915.758.015	13.257.667.583
Phát hành cổ phần phổ thông để chuyển đổi trái phiếu (TM số 24.1)	1.375.000.000	(275.220.000)	-	-	-	-	1.099.780.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	677.621.667	677.621.667
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(234.292.591)	-	-	(234.292.591)
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(301.644.919)	(301.644.919)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	389.650.060	279.895.303	1.291.734.763	14.499.131.740

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

26.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	927.467.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.467.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.399.283	789.899.283
Số lượng cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.664	68.664

27. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Số đầu kỳ (Trình bày lại – TM số 39)	2.624.924.188	1.968.772.863
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông không kiểm soát của công ty con	2.450.000	2.792.000.000
Cổ tức phải trả cho cổ đông không kiểm soát	-	(825.000)
Mua công ty con	-	(2.179.155)
Lợi nhuận (lỗ) trong kỳ phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	341.211.095	(334.156.931)
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát của các công ty con	719.926.340	(472.942.784)
Số cuối kỳ	3.688.511.623	3.950.668.993

28. LÃI (LỖ) TRÊN CỔ PHIẾU

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lợi nhuận (lỗ) thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (Ngàn VND)	677.621.667	(862.094.186)
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ	808.031.151	789.899.283
Lãi (lỗ) trên cổ phiếu (VND)		
- Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	839	(1.091)
- Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	839	(1.091)

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. DOANH THU

29.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
		Ngàn VND
Doanh thu gộp	2.476.540.173	3.658.541.917
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán trái cây</i>	806.006.726	-
<i>Doanh thu bán bò</i>	448.140.689	1.864.372.813
<i>Doanh thu từ dịch vụ cho thuê</i>	327.754.178	132.574.375
<i>Doanh thu từ cung cấp dịch vụ khác</i>	283.693.608	164.254.118
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	251.016.128	259.378.921
<i>Doanh thu bán mũ cao su</i>	212.498.987	15.756.190
<i>Doanh thu từ các sản phẩm ngành đường</i>	80.764.242	369.844.648
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	54.411.327	53.923.262
<i>Doanh thu bán căn hộ</i>	12.254.288	178.559.022
<i>Doanh thu bán bắp</i>	-	136.400.968
<i>Doanh thu chuyển nhượng bất động sản</i>	-	483.477.600
Khoản giảm trừ doanh thu		
<i>Hàng bán trả lại</i>	-	(896.894)
Doanh thu thuần	2.476.540.173	3.657.645.023
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán trái cây</i>	806.006.726	-
<i>Doanh thu bán bò</i>	448.140.689	1.863.475.919
<i>Doanh thu từ dịch vụ thuê</i>	327.754.178	132.574.375
<i>Doanh thu từ cung cấp dịch vụ khác</i>	283.693.608	164.254.118
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	251.016.128	259.378.921
<i>Doanh thu bán mũ cao su</i>	212.498.987	15.756.190
<i>Doanh thu từ các sản phẩm ngành đường</i>	80.764.242	369.844.648
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	54.411.327	53.923.262
<i>Doanh thu bán căn hộ</i>	12.254.288	178.559.022
<i>Doanh thu bán bắp</i>	-	136.400.968
<i>Doanh thu chuyển nhượng bất động sản</i>	-	483.477.600
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần với các bên khác</i>	2.276.337.573	3.270.271.095
<i>Doanh thu thuần với các bên liên quan</i>	200.202.600	387.373.928

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. DOANH THU (tiếp theo)

29.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư (TM số 4)	952.226.006	2.595.451
Trong đó:		
Nhóm công ty Mía đường (TM số 4.1)	843.651.822	-
Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê (TM số 4.3)	107.418.184	-
Khác	1.156.000	2.595.451
Lãi tiền cho vay	359.427.911	487.781.782
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.950.846	8.946.081
Cổ tức	224.964	112.725
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	71.199.533
Các khoản khác	738.042	68.977
TỔNG CỘNG	1.314.567.769	570.704.549
Trong đó:		
Doanh thu với các bên khác	1.065.517.881	520.570.679
Doanh thu với các bên liên quan	249.049.888	50.133.870

30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Giá vốn bán trái cây	385.342.680	-
Giá vốn bán bò	353.564.113	1.653.200.588
Giá vốn hàng hóa	215.761.390	239.089.397
Giá vốn dịch vụ khác	207.163.517	118.387.928
Giá vốn mủ cao su	167.526.234	24.057.192
Giá vốn dịch vụ cho thuê	137.569.322	79.932.865
Giá vốn của các sản phẩm ngành đường	113.701.791	253.865.279
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	36.983.533	91.284.757
Giá vốn căn hộ	11.188.874	158.705.465
Giá vốn bán bắp	-	67.063.060
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	-	393.412.104
TỔNG CỘNG	1.628.801.454	3.078.998.635

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lãi vay ngân hàng và trái phiếu	738.966.691	797.477.384
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	14.493.945	89.311.552
Các khoản khác	25.961.405	1.619.854
TỔNG CỘNG	<u>779.422.041</u>	<u>888.408.790</u>

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.435.809	87.921.369
Chi phí lương nhân viên	11.039.372	874.600
Chi phí khấu hao và hao mòn	888.094	703.700
Chi phí khác	9.686.906	1.365.894
TỔNG CỘNG	<u>63.050.181</u>	<u>90.865.563</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Phân bổ lợi thế thương mại	159.799.020	29.972.250
Chi phí lương nhân viên	79.685.657	94.446.643
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.417.022	65.075.510
Chi phí khấu hao	16.637.796	20.517.017
Chi phí dự phòng	-	118.934.939
Chi phí khác	29.885.043	37.036.112
TỔNG CỘNG	<u>316.424.538</u>	<u>365.982.471</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Thu nhập khác	88.520.467	6.125.830
Lãi từ thanh lý tài sản	80.976.954	-
Các khoản khác	7.543.513	6.125.830
Chi phí khác	(70.388.228)	(917.976.727)
Lỗ từ đánh giá lại các tài sản không hiệu quả	(26.330.852)	(502.402.105)
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	(20.219.857)	(1.924.292)
Các khoản phạt	(11.469.388)	(9.013.829)
Lỗ từ thanh lý tài sản dài hạn khác	-	(383.669.103)
Các khoản khác	(12.368.131)	(20.967.398)
LỖ KHÁC	18.132.239	(911.850.897)

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con tại Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (2016: 20%).

Các công ty con của Tập đoàn tại Lào, Campuchia, Myanmar và Thái Lan có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất tương ứng dựa trên thu nhập chịu thuế. Các công ty con này cũng được hưởng miễn, giảm thuế TNDN theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế địa phương. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

34.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	40.022.693	17.715.407
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(36.689.370)	55.054.194
TỔNG CỘNG	3.333.323	72.769.601

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

34.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	1.022.166.085	(1.118.459.953)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
<i>Điều chỉnh tăng</i>		
Lỗ từ các công ty con	324.030.660	1.169.608.370
Lợi thế thương mại phân bổ	159.799.020	29.972.250
Hoàn nhập (vốn hoá) chi phí lãi vay trên báo cáo tài chính hợp nhất	80.725.967	(56.274.830)
Các chi phí không có chứng từ hợp lệ	17.808.256	1.547.325
Lợi nhuận chưa thực hiện trên hợp nhất	13.950.133	80.493.184
Tiền phạt	16.464.962	1.214.859
Các khoản khác	54.203.395	102.426.134
<i>Điều chỉnh giảm</i>		
Điều chỉnh hợp nhất do thanh lý các công ty con trên báo cáo tài chính hợp nhất	(891.199.456)	2.724.776
Lợi nhuận miễn thuế	(207.856.319)	(104.921.354)
Dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con	(25.784.411)	(101.637.315)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(11.468.600)	11.758.586
(Lãi) lỗ từ các công ty liên kết	(624.118)	10.703.169
Các khoản khác	(224.964)	(11.786.918)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành chưa cần trừ lỗ năm trước	551.990.610	17.368.283
Lỗ các năm trước chuyển sang	(262.904.570)	(10.772.998)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành sau khi cần trừ lỗ năm trước	289.086.040	6.595.285
Thuế TNDN ước tính trong kỳ hiện hành	37.754.209	12.751.309
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu kỳ trước	2.268.484	4.964.098
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	40.022.693	17.715.407
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	63.040.251	66.474.849
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	10.557.894
Phân loại lại	2.156.164	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(1.673.552)	(14.394.165)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	103.545.556	80.353.985
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả (TM số 21)	105.081.278	81.873.396
Thuế TNDN nộp thừa (TM số 21)	(1.535.722)	(1.519.411)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

34.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

34.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong năm như sau:

		Ngàn VND	
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ (Trình bày lại - TM số 39)</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tài sản thuế TNDN hoãn lại			
Lợi nhuận chưa thực hiện loại trừ trên hợp nhất	93.909.253	91.119.227	2.790.026
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
	93.909.253	91.119.227	2.790.026
Thuế TNDN hoãn lại phải trả			
Chi phí lãi vay vốn hoá khi hợp nhất	209.676.602	248.544.686	(38.868.084)
Dự phòng khoản đầu tư (*)	24.735.170	126.890.416	4.968.740
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
	234.411.772	375.435.102	(33.899.344)
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh		(36.689.370)	55.054.194

(*) Thay đổi khoản này chủ yếu do ảnh hưởng của nghiệp vụ thanh lý Nhóm Công ty Mía đường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong kỳ hiện hành và kỳ trước bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Cho vay dài hạn	651.303.710	80.780.000
		Thu hồi tiền cho vay	186.152.222	286.110.321
		Mua hàng hóa và dịch vụ	173.002.808	87.069.978
		Lãi cho vay	113.657.170	100.021.089
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	61.369.800	123.217.500
		Bán bò	15.803.424	217.043.847
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	2.318.285	30.802.955
		Cho vay ngắn hạn	-	60.294.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Thu hồi tiền cho vay và lãi vay	241.196.300	118.198.160
		Lãi cho vay	52.323.653	235.271.888
		Cho vay dài hạn	78.461.975	388.655.665
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	Lãi cho vay	18.100.000	33.170.759
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	5.001.558	-
		Lãi cho vay	3.913.477	3.935.098
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	90.552.196	-
		Thu hồi tiền cho vay	4.970.000	-
		Lãi cho vay	7.354.177	7.559.825
		Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	99.436	-
		Cho vay	-	24.663.600
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	14.181.498	14.332.500
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	2.482.376	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	22.787.077	-
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	8.126.397	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong kỳ hiện hành và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	86.653.514	-
		Mua hàng hóa	256.911.700	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện	Công ty liên quan	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	8.870.919	14.817.045
		Mua hàng hóa và dịch vụ	24.978.832	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	25.087.222	2.822.196
		Lãi cho vay	9.983.750	5.555.334
		Thu hồi tiền cho vay và lãi vay	13.733.287	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp MTV Thăng Long	Công ty liên quan	Cho vay	101.367.076	-
		Lãi cho vay	9.242.270	-
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	4.339.662	-
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Lãi cho vay	5.345.458	75.771
Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Lợi	Công ty liên quan	Vay	414.119.000	-
		Lãi vay	373.175	-
Ông Nguyễn Quốc Huy	Bên liên quan	Thanh lý khoản đầu tư	130.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 6)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Cung cấp dịch vụ xây dựng Bán tài sản	358.669.521 13.545.858 -	339.172.635 - 383.279
Ông Nguyễn Quốc Huy	Bên liên quan	Thanh lý khoản đầu tư	130.000.000	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Bán tài sản	58.316.544 -	27.712.129 90.147.433
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	27.595.944 3.207.203	236.310 -
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	5.664.290	49.843
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	2.481.877	1.967.402
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.105.266	2.093.959
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	292.554	97.427
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	291.269	849.306
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp MTV Thăng Long	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	84.557	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	-	2.041.135
Các bên liên quan khác		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	756.024	1.451.018
			603.010.907	465.989.197

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			Ngàn VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 7)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	709.676.035	702.918.509
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Công ty liên kết	Ứng trước phí tư vấn thiết kế	15.056.000	15.056.000
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	14.151.875	-
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	13.016.410	13.034.450
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Ứng trước dịch vụ xây dựng	272.900	272.900
			<u>752.173.220</u>	<u>731.281.859</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 8)				
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú (i)	Công ty liên quan	(i)	485.319.911	726.516.211
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	10,81% - 15%	473.847.778	660.000.000
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	10,5% - 15%	189.000.000	189.000.000
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp MTV Thăng Long	Công ty liên quan	12,5%	162.764.884	61.397.808
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trúc Thịnh	Công ty liên quan		126.017.533	126.017.532
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	11,29% - 15,73%	115.917.134	115.917.134
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	13% - 15%	61.628.333	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	11,53% - 16,45%	54.140.387	54.140.387
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	12% - 15%	14.500.000	14.500.000
Công ty TNHH MTV Vạn Phúc Hưng	Công ty liên quan	12%	9.128.277	14.130.278
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Bất động sản Hoàng Anh	Công ty liên quan		500.000	500.000
Các bên liên quan khác	Công ty liên quan		-	14.500.000
			1.692.764.237	1.976.619.350

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 9)				
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi cho vay	971.419.468	925.412.956
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Cho mượn Khác	217.227.120 28.431.695	119.795.357 12.770.387
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Lãi cho vay Cho mượn Khác	39.334.820 1.600.000 60.373.611	35.315.529 3.759.760 20.976.758
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay Chi phí trả hộ	155.439.067 5.060.433	143.698.819 2.440.389
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	31.591.582	23.465.186
Công ty Cổ phần Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay Chi phí trả hộ	23.894.220 5.359.424	14.452.574 2.530.531
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Lãi cho vay	23.200.970	18.058.649
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	Lãi cho vay	22.003.782	3.894.640
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Lãi cho vay	20.074.417	11.110.667
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	17.462.381	13.122.719
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Lãi cho vay Chi phí trả hộ	13.938.685 7.402.364	10.406.208 7.402.364
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Chi phí trả hộ	12.624.059	12.624.059
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	5.211.196	2.728.820
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên HĐQT	Tạm ứng	1.939.222	1.600.000
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp MTV Thăng Long	Công ty liên quan	Lãi cho vay	1.290.391	-
Bà Trương Thị Trúc Thiên Trang	Bên liên quan	Lãi cho vay	-	1.501.070
Bà Nguyễn Thị Nga	Bên liên quan	Lãi cho vay	-	2.329.167
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Bên liên quan	Lãi cho vay	-	2.329.167
Các bên liên quan khác	Công ty liên quan	Lãi cho vay và cho mượn	300.000	693.553
			1.665.178.907	1.392.419.329

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 8)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	8% - 15%	1.881.194.334	1.229.890.624
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	(i)	1.569.423.246	1.490.961.271
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	12,0%	710.000.000	771.628.333
Công ty Cổ phần Đầu Tư Sài Gòn Mê Kông	Công ty liên quan	12,0%	381.703.227	381.703.227
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	(ii)	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	10% - 15,73%	214.552.308	14.651.980
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	8% - 15%	198.299.907	212.033.194
Bà Nguyễn Thị Nga	Bên liên quan	6,50%	150.000.000	150.000.000
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	8% - 15%	140.551.865	45.615.335
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	15%	136.261.796	141.231.796
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Bên liên quan	6,50%	125.340.957	125.340.957
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan		105.110.065	105.110.065
Bà Trương Thị Trúc Thiên Trang	Bên liên quan	6,50%	95.180.218	96.670.000
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	6% - 15%	93.000.000	93.000.000
Công ty TNHH MTV Vạn Phúc Hưng	Công ty liên quan	12,0%	30.048.554	30.048.554
			6.130.666.477	5.187.885.336

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

(i) Thể hiện khoản cho vay tín chấp cho An phú để hỗ trợ tài chính cho An Phú trong việc mua lại các công ty con và các dự án bất động sản của Tập đoàn theo kế hoạch tái cấu trúc của Tập đoàn. Chi tiết như sau:

Khoản cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Ngàn VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm
Khoản cho vay 1	185.319.911	17 tháng 7 năm 2017	8% - 15%
Khoản cho vay 2	372.957.042	8 tháng 8 năm 2019	12%
Khoản cho vay 3	626.466.204	8 tháng 9 năm 2018	5,4%
Khoản cho vay 4	287.000.000	30 tháng 12 năm 2021	10%
Khoản cho vay 5	283.000.000	30 tháng 8 năm 2020	6%
Khoản cho vay 6	<u>300.000.000</u>	27 tháng 5 năm 2018	14%
TỔNG CỘNG	<u>2.054.743.157</u>		

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, khoản phải thu của Tập đoàn đối với An Phú và các công ty liên quan với An Phú đã được bảo lãnh bởi tài sản riêng của Ông Chủ tịch HĐQT Công ty - Ông Đoàn Nguyên Đức và tài sản của một số công ty liên quan khác.

(ii) Đây là khoản Tập đoàn cho Chủ tịch HĐQT Công ty - Ông Đoàn Nguyên Đức vay theo hợp đồng số 01/10/15HĐV-HAGL ngày 1 tháng 10 năm 2015 hoàn trả trong vòng ba năm và có lãi suất là 12%/năm (2016: 12%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu dài hạn khác (TM số 9)				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp MTV Thăng Long	Công ty liên quan	Cho mượn	293.263.261	295.543.906
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Cho mượn	147.840.561	102.439.202
Công ty Cổ phần chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	169.391.861	60.368.691
		Phải thu HĐHTKD	85.000.000	109.650.981
		Khác	24.650.981	-
Bà Nguyễn Thị Nga	Bên liên quan	Lãi cho vay	12.997.025	-
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Bên liên quan	Lãi cho vay	11.496.590	-
Bà Trương Thị Trúc Thiên Trang	Bên liên quan	Lãi cho vay	2.543.427	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi cho vay	-	20.987.500
			747.183.706	588.990.280

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 19)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và dịch vụ	(42.256.305)	(57.589.718)
		Phải trả nhà thầu xây dựng	(32.280.137)	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	(126.886.212)	(3.195.941)
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	(95.470.749)	(4.172.853)
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	(22.787.077)	-
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	(9.328.145)	-
Các bên liên quan khác		Mua hàng hóa	(93.060)	(65.000)
			(329.101.685)	(65.023.512)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 20)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Ứng trước dịch vụ xây dựng	(196.038.459)	(193.716.544)
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	(109.771.438)	(24.395.000)
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	(20.904)	-
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Ứng trước dịch vụ xây dựng và mua hàng hóa	(23.560)	(23.560)
			(305.854.361)	(218.135.104)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 23)				
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	(2.654.276)	(4.688.276)
		Cổ tức phải trả	(2.034.000)	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Cho mượn tạm	(371.805.728)	(404.622.014)
		Lãi cho vay	(18.252.500)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	(6.450.000)	(6.450.000)
Ông Dương Hoàng Bắc	Bên liên quan	Cho mượn tạm	(1.947.500)	-
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Bên liên quan	Cho mượn tạm	-	(23.204.111)
		Lãi cho vay	(1.204.111)	-
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi	Công ty liên quan	Lãi cho vay	(373.175)	-
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	(799.290)	(805.929)
			(405.520.580)	(439.770.330)
Phải trả dài hạn khác (TM số 23)				
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Hợp tác kinh doanh	(550.000.000)	(550.000.000)
Vay ngắn hạn (TM số 24)				
Ông Dương Hoàng Bắc	Bên liên quan	Vay	(7.823.000)	(7.823.000)
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Bên liên quan	Vay	(414.119.000)	-
			(421.942.000)	(7.823.000)
Vay dài hạn (TM số 24)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Vay	(298.000.000)	(298.000.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Ban thư ký như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<i>Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc</i>		
Lương	4.687.816	4.545.641
<i>Ban kiểm soát</i>		
Lương	639.854	752.027
<i>Ban thư ký</i>		
Lương	415.620	222.196
TỔNG CỘNG	<u>5.743.290</u>	<u>5.519.864</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

36. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn là bên thuê

Tập đoàn thuê các lô đất khác nhau tại Việt Nam, Lào, Campuchia để xây dựng nhà xưởng, cầu lạc bộ bóng đá, khách sạn, văn phòng và trồng cây cao su và các loại cây khác. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền thuê cam kết theo hợp đồng thuê các lô đất này được trình bày như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Dưới 1 năm	98.303.691	106.719.092
Từ 1 đến 5 năm	714.039.495	465.335.080
Trên 5 năm	7.565.495.153	9.237.157.505
TỔNG CỘNG	<u>8.377.838.339</u>	<u>9.809.211.677</u>

Tập đoàn là bên cho thuê

Tập đoàn hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động theo các thỏa thuận cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại tại Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Dưới 1 năm	549.985.532	518.841.583
Từ 1 đến 5 năm	1.512.713.459	1.101.680.953
Trên 5 năm	786.677.394	366.713.252
TỔNG CỘNG	<u>2.849.376.385</u>	<u>1.987.235.788</u>

Các cam kết liên quan đến chi phí xây dựng công trình

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn có các cam kết hợp đồng cho việc xây dựng các dự án bất động sản và dự án thủy điện như sau:

	<i>Ngàn VND</i>		
	<i>Giá trị theo hợp đồng</i>	<i>Giá trị đã ghi nhận</i>	<i>Giá trị cam kết còn lại</i>
<i>Dự án thủy điện</i>			
Dự án Nậm Kống 3	1.667.250.000	679.840.474	987.409.526
<i>Dự án bất động sản</i>			
Dự án Myanmar	9.810.680.000	4.918.172.179	4.892.507.821
TỔNG CỘNG	<u>11.477.930.000</u>	<u>5.598.012.653</u>	<u>5.879.917.347</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

36. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Cam kết quan trọng trong kỳ

Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp vào ngày 22 tháng 5 năm 2017 giữa Tập đoàn và bên nhận chuyển nhượng cùng thỏa thuận vào ngày 15 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn cam kết chịu trách nhiệm vô điều kiện và không hủy ngang đối với bất kỳ khoản nợ, phạt, bồi thường, nghĩa vụ tài chính và/hoặc bất kỳ cam kết bảo lãnh, nhận nợ, biện pháp đảm bảo nào khác (dù là hiện hữu chưa được phản ánh hoặc tiềm tàng) mà Nhóm công ty Mía đường có nghĩa vụ thực hiện đối với bất kỳ bên thứ ba (bao gồm cả đối với Chính phủ Lào và/hoặc chính phủ Việt Nam) phát sinh vào và trước ngày 31 tháng 8 năm 2016 nhưng chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Nhóm công ty Mía đường, bao gồm nhưng không bị hạn chế bởi các khoản phải nộp liên quan đến:

- (a) Thuế, phí, lệ phí đối với chuyển lợi nhuận từ Nhóm công ty Mía đường tại Lào về cho Công ty tại Việt Nam theo quy định pháp luật tại Lào và Việt nam;
- (b) Thuế nhà thầu hoặc thuế có tính chất tương tự đối với hoạt động xây dựng, giải phóng mặt bằng liên quan đến nhà máy và vùng nguyên liệu của Nhóm công ty Mía đường;
- (c) Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và thuế thu nhập cá nhân của người lao động làm việc tại Nhóm công ty Mía đường;
- (d) Thuế giá trị gia tăng liên quan đến giao dịch chuyển nhượng tài sản thuộc hoạt động trồng cỏ và nuôi bò của Nhóm công ty Mía đường; và

Các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế khác, các trách nhiệm bồi thường, tổ tụng về mặt pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty Mía đường trước ngày 31 tháng 8 năm 2016.

37. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Các loại ngoại tệ:		
- KIP Lào (LAK)	1.362.014.786	10.435.442.239
- Đồng Kyat Myanmar (MMK)	1.179.747	1.901.281.258
- Đồng Riels Campuchia (KHR)	64.206.236	111.306.843
- Đồng Bạc Thái Lan (THB)	5.587.863	7.078.908
- Đô la Mỹ (USD)	5.896.999	7.610.333
- Đồng Euro (EUR)	14.287	1.864

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn được xác định theo địa điểm của tài sản của Tập đoàn. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.

38.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Bất động sản: phát triển dự án căn hộ để bán và cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại;
- Sản xuất: sản xuất và bán phân bón, ống nhựa và các công cụ dụng cụ khác dùng trong nông nghiệp;
- Thương mại và dịch vụ: quản lý tài sản và mua bán hàng hóa;
- Xây dựng: xây dựng căn hộ, xây dựng sân bay và xây dựng chuồng trại;
- Năng lượng: phát triển và khai thác thủy điện;
- Khoáng sản: khai thác, chế biến và bán quặng tinh chế (đã dừng hoạt động); và
- Nông nghiệp: trồng cao su, cọ dầu, mía đường, trái cây, thu hoạch chế biến và bán mủ cao su, gỗ cao su, đường, cọ dầu, các loại cây trồng khác và chăn nuôi bò thịt.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Báo cáo bộ phận của hoạt động kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng đã được trình bày vào hoạt động thương mại và dịch vụ trong năm vì đây không phải là hoạt động chính của Tập đoàn hiện nay.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

38.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Ngàn VND								
	Bất động sản	Sản xuất	Thương mại và dịch vụ	Xây dựng	Nông nghiệp	Năng lượng	Khoáng sản	Loại trừ	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016									
<i>Doanh thu</i>									
Từ khách hàng bên ngoài	662.036.622	259.378.956	296.303.972	53.923.262	2.385.477.725	524.486	-	-	3.657.645.023
Giữa các bộ phận	-	223.335.875	29.921.304	24.874.923	226.779.700	-	-	(504.911.802)	-
Tổng cộng	662.036.622	482.714.831	326.225.276	78.798.185	2.612.257.425	524.486	-	(504.911.802)	3.657.645.023
<i>Kết quả hoạt động kinh Doanh</i>									
Kết quả của bộ phận	109.919.053	20.289.559	97.983.179	(37.361.495)	387.291.606	524.486	-	-	578.646.388
Chi phí không phân bổ									(1.368.698.931)
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính									(790.052.543)
Thu nhập tài chính									570.704.549
Chi phí tài chính									(888.408.790)
Phần lỗ trong công ty liên kết									(10.703.169)
Lỗ trước thuế									(1.118.459.953)
Thuế TNDN hiện hành									(17.715.407)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại									(55.054.194)
Lỗ sau thuế trong kỳ									(1.191.229.554)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016									
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>									
Tài sản của bộ phận	9.303.424.303	5.938.175.313	420.743.155	134.654.415	35.258.956.111	4.527.494.431	445.831.631	-	56.029.279.359
Tiền của Tập đoàn									794.326.175
Đầu tư vào công ty liên kết									865.766.030
Tài sản không phân bổ									(5.406.237.968)
Tổng tài sản									52.283.133.596
Nợ phải trả của bộ phận	(6.018.627.989)	(8.783.778.325)	(363.576.683)	(116.462.423)	(28.766.394.166)	(3.037.788.835)	(115.006.912)	-	(47.201.635.333)
Nợ phải trả không phân bổ									10.801.093.508
Tổng nợ phải trả									(36.400.541.825)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

38.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Ngàn VND								
	Bất động sản	Sản xuất	Thương mại và dịch vụ	Xây dựng	Nông nghiệp	Năng lượng	Khoáng sản	Loại trừ	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017									
<i>Doanh thu</i>									
Từ khách hàng bên ngoài	12.254.288	251.016.128	611.447.786	54.411.327	1.547.410.644	-	-	-	2.476.540.173
Giữa các bộ phận	-	177.637.573	30.620.055	21.925.657	106.639.963	-	-	(336.823.248)	-
Tổng cộng	12.254.288	428.653.701	642.067.841	76.336.984	1.654.050.607	-	-	(336.823.248)	2.476.540.173
Kết quả của bộ phận	1.065.414	35.254.738	266.714.947	17.427.794	527.275.826	-	-	-	847.738.719
Chi phí không phân bổ									(361.342.480)
Lãi trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính									486.396.239
Thu nhập tài chính									1.314.567.769
Chi phí tài chính									(779.422.041)
Lợi nhuận từ công ty liên kết									624.118
Lãi kế toán trước thuế									1.022.166.085
Chi phí thuế TNDN hiện hành									(40.022.693)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại									36.689.370
Lãi sau thuế TNDN trong kỳ									1.018.832.762
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017									
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>									
Tài sản của bộ phận	9.283.849.740	8.301.361.495	369.782.547	140.281.559	33.147.792.492	4.797.353.069	453.918.405	-	56.494.339.307
Tiền									1.619.141.339
Đầu tư vào công ty liên kết									866.390.148
Tài sản không phân bổ									(6.579.612.426)
Tổng tài sản									52.400.258.368
Nợ phải trả của bộ phận	(5.944.012.361)	(11.084.947.595)	(377.373.648)	(417.053.285)	(26.353.679.297)	(3.328.090.816)	(113.154.218)	-	(47.618.311.220)
Nợ phải trả không phân bổ									13.405.696.215
Tổng nợ phải trả									(34.212.615.005)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

38.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau.

	<i>Việt Nam</i>	<i>Lào</i>	<i>Campuchia</i>	<i>Myanmar</i>	<i>Khác</i>	<i>Ngàn VND Tổng cộng</i>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016						
<i>Doanh thu</i>	2.084.374.931	1.220.166.991	80.292.271	165.756.068	107.054.762	3.657.645.023
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài						
<i>Chi phí hình thành TSCĐ</i>						
Tài sản cố định hữu hình	180.808.887	941.132.740	363.692.108	457.265.687	-	1.942.899.422
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016						
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>						
Tài sản bộ phận	20.217.523.536	16.454.886.302	9.449.068.450	6.533.872.729	49.986.162	52.705.337.179
Tiền						794.326.175
Đầu tư vào công ty liên kết						865.766.030
Tài sản không phân bổ						(2.082.295.788)
Tổng tài sản						52.283.133.596
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017						
<i>Doanh thu</i>	1.226.267.536	659.296.838	64.063.966	497.180.362	29.731.471	2.476.540.173
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài						
<i>Chi phí hình thành TSCĐ</i>						
Tài sản cố định hữu hình	166.410.831	780.873.726	418.251.069	41.852.570	-	1.407.388.196
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017						
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>						
Tài sản bộ phận	20.306.908.674	14.995.225.760	9.726.202.276	6.598.998.192	52.551.112	51.679.886.014
Tiền						1.619.141.339
Đầu tư vào công ty liên kết						866.390.148
Tài sản không phân bổ						(1.765.159.133)
Tổng tài sản						52.400.258.368

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

39. ĐIỀU CHỈNH VÀ PHÂN LOẠI LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Tập đoàn đã bàn giao các chức vụ quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu ("Nhóm công ty Mía đường") cùng với quyền vận hành, quản lý kinh doanh đối với nhà máy đường, nông trường mía và các tài sản liên quan thuộc Nhóm công ty Mía đường cho một bên thứ ba từ ngày 31 tháng 8 năm 2016. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn, hai bên đang tiến hành các thủ tục pháp lý để hoàn tất giao dịch chuyển nhượng cổ phần của Nhóm công ty Mía đường này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ban Giám đốc Công ty xác định đã chấm dứt toàn bộ quyền kiểm soát đối với Nhóm công ty Mía đường sau ngày 31 tháng 8 năm 2016 và đã sử dụng số liệu của bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 8 năm 2016 và của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 8 tháng kết thúc cùng ngày của Nhóm công ty Mía đường để hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn.

Trong kỳ, các hồ sơ pháp lý liên quan đến nghiệp vụ chuyển nhượng 100% sở hữu của Tập đoàn tại Nhóm công ty Mía đường cho bên thứ ba đã hoàn tất vào ngày 22 tháng 5 năm 2017. Theo đó, Ban Giám đốc Tập đoàn đã xem xét lại và kết luận rằng Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát Nhóm công ty Mía đường kể từ ngày này và đã quyết định điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 các ảnh hưởng của nghiệp vụ này do việc hợp nhất lại báo cáo tài chính của Nhóm công ty Mía đường cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 vào báo cáo tài chính cùng kỳ của Tập đoàn.

Sau thời điểm nhận bàn giao các chức vụ quản lý cùng với quyền vận hành, quản lý kinh doanh đối với nhà máy đường, nông trường mía và các tài sản liên quan từ ngày 31 tháng 8 năm 2016, Ban Giám đốc của Nhóm công ty Mía đường đã tiến hành thay đổi phương án và cách thức sản xuất kinh doanh. Theo đó, một số tài sản đã được ghi giảm giá trị hoặc xóa sổ theo quy định.

Ngoài ra, một số dữ liệu tương ứng trong bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.

Chi tiết ảnh hưởng của các điều chỉnh và phân loại trên như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày trước đây)	Điều chỉnh và phân loại lại	Ngàn VND Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)
Bảng cân đối kế toán hợp nhất			
A Tài sản ngắn hạn	9.394.220.363	(224.530.590)	9.169.689.773
I. Tiền	791.208.293	3.117.882	794.326.175
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	6.768.206.227	(56.852.541)	6.711.353.686
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.772.653.862	(1.180.432)	1.771.473.430
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.316.838.516	(8.510.142)	1.308.328.374
Phải thu về cho vay ngắn hạn	2.034.357.256	(16.528.881)	2.017.828.375
Phải thu ngắn hạn khác	1.672.681.113	(29.834.784)	1.642.846.329
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(28.324.520)	(798.302)	(29.122.822)
III. Hàng tồn kho	1.789.466.577	(176.355.025)	1.613.111.552
Hàng tồn kho	1.822.154.682	(23.918.187)	1.798.236.495
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(32.688.105)	(152.436.838)	(185.124.943)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	45.339.266	5.559.094	50.898.360
Chi phí trả trước ngắn hạn	7.961.305	5.041.183	13.002.488
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	26.318.790	517.911	26.836.701

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

39. ĐIỀU CHỈNH VÀ PHÂN LOẠI LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày trước đây)	Điều chỉnh và phân loại lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại) <i>Ngân VND</i>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)			
B Tài sản dài hạn	43.369.249.238	(255.805.415)	43.113.443.823
I. Các khoản phải thu dài hạn khác	6.350.659.266	32.971.989	6.383.631.255
Phải thu dài hạn khác	633.288.523	32.971.989	666.260.512
II. Tài sản cố định	10.017.094.697	(245.099.570)	9.771.995.127
Tài sản cố định hữu hình	8.664.993.197	(223.766.943)	8.441.226.254
- Nguyên giá	10.076.814.951	(193.374.161)	9.883.440.790
- Giá trị hao mòn lũy kế	(1.411.821.754)	(30.392.782)	(1.442.214.536)
Tài sản cố định vô hình	1.352.101.500	(21.332.627)	1.330.768.873
- Nguyên giá	1.429.539.847	(22.072.022)	1.407.467.825
- Giá trị hao mòn lũy kế	(77.438.347)	739.395	(76.698.952)
III. Bất động sản đầu tư	3.510.539.222	21.332.627	3.531.871.849
- Nguyên giá	3.567.861.308	22.072.022	3.589.933.330
- Giá trị hao mòn lũy kế	(57.322.086)	(739.395)	(58.061.481)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	17.983.864.412	9.874.415	17.993.738.827
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	17.983.864.412	9.874.415	17.993.738.827
VI. Tài sản dài hạn khác	4.629.203.708	(74.884.876)	4.554.318.832
Chi phí trả trước dài hạn	1.497.175.881	(74.884.876)	1.422.291.005
Tổng tài sản	52.763.469.601	(480.336.005)	52.283.133.596
A Nợ phải trả	36.113.695.179	286.846.646	36.400.541.825
I. Nợ ngắn hạn	12.726.074.032	412.415.695	13.138.489.727
Phải trả người bán ngắn hạn	1.319.409.776	101.260.184	1.420.669.960
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.546.000.509	63.298.699	3.609.299.208
Thuế và các khoản phải nộp			
Nhà nước	195.748.396	(96.973)	195.651.423
Phải trả người lao động	74.235.298	(1.640.195)	72.595.103
Chi phí phải trả ngắn hạn	846.456.575	(1.745.149)	844.711.426
Phải trả ngắn hạn khác	1.535.617.649	(268.337.008)	1.267.280.641
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	5.197.619.996	519.676.137	5.717.296.133
II. Nợ dài hạn	23.387.621.147	(125.569.049)	23.262.052.098
Phải trả dài hạn khác	1.374.575.760	(395.323.458)	979.252.302
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21.444.223.544	175.222.723	21.619.446.267
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	287.204.877	88.230.225	375.435.102
Dự phòng phải trả dài hạn	277.394.425	6.301.461	283.695.886
B Vốn chủ sở hữu	16.649.774.422	(767.182.651)	15.882.591.771
I. Vốn chủ sở hữu	16.649.774.422	(767.182.651)	15.882.591.771
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	650.139.359	(26.196.708)	623.942.651
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.391.155.127	(475.397.112)	915.758.015
- Lũy kế của năm nay	(1.136.650.486)	(475.397.112)	(1.612.047.598)
Lợi ích của cổ đông thiểu số	2.890.513.019	(265.588.831)	2.624.924.188

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

40. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 14 tháng 7 năm 2017, Công ty TNHH Glory Red Star đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ số trái phiếu hoán đổi trị giá 697 tỷ lại cho 3 cá nhân khác theo các thoả thuận chuyển nhượng trái phiếu ký kết có liên quan.

Sau đó cũng vào ngày này, các bên bao gồm Công ty, HNG và các cá nhân trái chủ trên đã tiến hành thực hiện thoả thuận hoán đổi nghĩa vụ nợ trái phiếu này bằng cách cầm trù khoản nợ vay của HNG đối với Công ty với cùng giá trị 697 tỷ VND theo các Hợp đồng chuyển nhượng khoản vay và Hoán đổi nghĩa vụ trả nợ được ký kết cùng ngày. Theo đó, tại ngày này, nghĩa vụ nợ Trái phiếu hoán đổi đã chuyển sang cho HNG, tương ứng HNG cũng giảm nghĩa vụ nợ vay phải trả đối với Công ty.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập



Dương Hoàng Bắc
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2017